Họ và tên…………………………………………………Lớp………

**MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

**Phần một: giáo dục kinh tế**

**BÀI 1:**

 **NỀN KINH TẾ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NỀN KINH TẾ**

**1. Hoạt động sản xuất**

- Hoạt động sản xuất là hoạt động con người tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.

- Vai trò: Hoạt động sản xuất là hoạt động cơ bản nhất của con người, quyết định đến các hoạt động - phân phối - trao đổi, tiêu dùng.

**2. Hoạt động phân phối – trao đổi**

- Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành, các đơn vị sản xuất và phân chia sản phẩm từ người sản xuất đến người tiêu dùng.

- Trao đổi là hoạt động nhà sản xuất đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng.

***- Vai trò:***

+ Hoạt động phân phối - trao đổi thực hiện vai trò trung gian, kết nối sản xuất với tiêu dùng.

+ Hoạt động phân phối đóng vai trò phân chia các yếu tố của quá trình sản xuất. Phân phối phù hợp sẽ góp phần vào sự phát triển của sản xuất và tiêu dùng.

+ Hoạt động trao đổi đóng vai trò kết nối sản xuất với tiêu dùng, giúp người sản xuất bán được sản phẩm, duy trì, phát triển hoạt động sản xuất và đáp ứng nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng.

**3. Hoạt động tiêu dùng**

- Hoạt động tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm được sản xuất để thỏa mãn nhu cẩu vật chất và tinh thần của mình.

- Tiêu dùng là mục đích của sản xuất.

**4. Trách nhiệm của công dân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế**

- Tích cực tìm hiểu các kiến thức về kinh tế

- Chủ động tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế

- Tuyên truyền vận động mọi người cùng tham gia

- Phê phán đấu tranh với các hành vi vi phạm

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm xã hội của hoạt động sản xuất?

**A.** Công ti H sản xuất hàng hóa gắn với bảo vệ môi trường.

**B.** Cửa hàng xăng dầu A gian lận trong việc bán hàng.

**C.** Công ti E làm giả hoá đơn để được miễn giảm thuế.

**D.** Ông K xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường.

**Câu 2:** Khi tiến hành phân bổ nguyên vật liệu của công ty tới các bộ phận khác nhau trong dây chuyền sản xuất, quá trình này này gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế xã hội ? DT6

**A.** sản xuất. **B.** tiêu dùng. **C.** phân phối. **D.** trao đổi.

**Câu 3:** Trong các hoạt động của con người, hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động

**A.** ít quan trọng. **B.** bình thường nhất. **C.** thiết yếu nhất. **D.** cơ bản nhất.

**Câu 4:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động đóng vai trò cơ bản nhất, quyết định các hoạt động khác của đời sống xã hội là hoạt động

**A.** sản xuất **B.** phân phối. **C.** tiêu dùng **D.** trao đổi.

**Câu 5:** Trong nền kinh tế thị trường, việc làm nào dưới đây của các chủ thể kinh tế gắn liền với hoạt động phân phối ?

**A.** Công ty A điều chỉnh cơ cấu mặt hàng sản xuất.

**B.** Công ty A điều chỉnh nhiệm vụ các nhân viên.

**C.** Công ty A điều chỉnh cơ cấu nhân sự công ty.

**D.** Công ty A nhập nguyên liệu để tăng ca sản xuất.

**Câu 6:** Trong các hoạt động kinh tế, hoạt động nào đóng vai trò trung gian, kết nối người sản xuất với người tiêu dùng?

**A.** Hoạt động vận chuyển - tiêu dùng **B.** Hoạt động phân phối - trao đổi

**C.** Hoạt động sản xuất - vận chuyển **D.** Hoạt động sản xuất - tiêu thụ

**Câu 7:** Một nền kinh tế bao gồm các hoạt động cơ bản nào?

**A.** Sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng

**B.** Sản xuất, kinh doanh, trao đổi, thu nhập

**C.** Sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, thu nhập

**D.** Sản xuất, kinh doanh, trao đổi, cạnh tranh.

**Câu 8:** Trong nền kinh tế thị trường, việc làm nào dưới đây của các chủ thể kinh tế gắn liền với hoạt động phân phối ? DT1

**A.** Giám đốc phân bổ lợi nhuận cho các thành viên.

**B.** Giám đốc phân công nhiệm vụ các ca trực.

**C.** Công ty A nhập nguyên liệu để mở rộng sản xuất

**D.** Lãnh đạo công ty điều động nhân sự.

**Câu 9:** Quá trình phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất để tạo ra sản phẩm là nội dung của khái niệm

**A.** sản xuất **B.** phân phối. **C.** tiêu dùng **D.** trao đổi.

**Câu 10:** Trong nền kinh tế, việc tiến hành phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng được gọi là

**A.** sản xuất của cải vật chất. **B.** phân phối cho sản xuất

**C.** phân phối cho tiêu dùng. **D.** tiêu dùng cho sản xuất.

**BÀI 2: CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ**

**1. Các chủ thể của nền kinh tế:**

**a. Chủ thể sản xuất:**

- Chủ thể sản xuất: Là những cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp,...sử dụng các yếu tố đầu vào như nguồn vốn, sức lao động, tài nguyên,... tạo ra hàng hoá (sản phẩm, dịch vụ) cho xã hội, phục vụ nhu cầu tiêu dùng, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

- Ngoài mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, chủ thể sản xuất cần phải tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm cung cấp những hàng hoá, không làm tổn hại đến con người, môi trường và xã hội

**b. Chủ thể tiêu dùng:**

- Là người tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu của mình. Chủ thể tiêu dùng có vai trò quan trọng trong việc định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển, có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững.

- Chủ thể tiêu dùng cần phải có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội; lựa chọn, tiêu dùng hàng hoá có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; phê phán hành vi trái pháp luật trong hoạt động kinh tế.

**c. Chủ thể trung gian**

Gồm những tồ chức cá nhân giữ vai trò kết nối giữa người tiêu dùng và người sản xuất trong nền kinh tế. Dưới tác động của phân công lao dộng xã hội, những chủ thể trung gian xuất hiện trên thị trường thực hiện kết nối các quan hệ mua và bán, sản xuất và tiêu dùng,... giúp nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả.

**d. Chủ thể nhà nước**

Có vai trò điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế khác nhau hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Đồng thời, Nhà nước cũng tác động để điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển.

**2. Trách nhiệm của công dân với tư cách là một chủ thể kinh tế**

- Tích cực tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi

- Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm xã hội khi tham gia vào các chủ thể của nền kinh tế

- Đấu tranh với những hành vi vi phạm khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể nào dưới đây tiến hành các hoạt động mua hàng rồi bán lại cho các đại lý?

**A.** chủ thể nhà nước. **B.** chủ thể tiêu dùng.

**C.** chủ thể sản xuất. **D.** chủ thể trung gian.

**Câu 2:** Chủ thể sản xuất là những người DT6

**A.** phân phối hàng hóa, dịch vụ. **B.** hỗ trợ sản xuất hàng hóa, dịch vụ.

**C.** trao đổi hàng hóa, dịch vụ. **D.** sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ

**Câu 3:** Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

**A.** Tiết kiệm năng lượng.

**B.** Tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội.

**C.** Giúp nền kinh tế linh hoạt hơn.

**D.** Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.

**Câu 4:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào đóng vai trò là cầu nối giữa chủ thể sản xuất và chủ thể tiêu dùng?

**A.** chủ thể trung gian. **B.** Nhà đầu tư chứng khoán.

**C.** chủ thể doanh nghiệp. **D.** chủ thể nhà nước.

**Câu 5:** Chủ thể trung gian **không** có vai trò nào dưới đây ?

**A.** Cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.

**B.** Phân phối hàng hóa đến tay người tiêu dùng.

**C.** Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng hiệu quả

**D.** Tạo ra sản phẩm hàng hóa cho người tiêu dùng.

**Câu 6:** Chủ thể nào đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra hàng hoá cho xã hội, phục vụ nhu cầu tiêu dùng?

**A.** Chủ thể trung gian **B.** Doanh nghiệp Nhà nước

**C.** Các điểm bán hàng **D.** Chủ thể sản xuất

**Câu 7:** Mô hình kinh tế thị trường có sự điều tiết ở từng nước, từng giai đoạn có thể khác nhau tuỳ thuộc vào mức độ can thiệp của Chính phủ đối với thị trường, song tất cả các mô hình đều có điểm chung là không thể thiếu vai trò kinh tế của chủ thể nào?

**A.** Chủ thể sản xuất **B.** Chủ thể tiêu dùng

**C.** Chủ thể Nhà nước **D.** Người sản xuất kinh doanh

**Câu 8:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của chủ thể kinh tế nhà nước?

**A.** Gia tăng tỷ lệ thất nghiệp. **B.** Tạo môi trường pháp lý thuận lợi.

**C.** Đảm bảo xã hội ổn định. **D.** Đảm bảo ổn định chính trị.

**Câu 9:** Trong nền kinh tế, chủ thể trung gian đóng vai trò như thế nào trong mối quan hệ với chủ thể sản xuất và chủ thể tiêu dùng?

**A.** độc lập. **B.** cầu nối **C.** cuối cùng. **D.** sản xuất.

**Câu 10:** Trong nền kinh tế nước ta, chủ thể nào đóng vai trò quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân?

**A.** chủ thể trung gian. **B.** chủ thể nhà nước

**C.** chủ thể tiêu dùng. **D.** chủ thể sản xuất.

**Câu 11:** Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể tiêu dùng thường gắn với việc làm nào dưới đây?

**A.** Mua gạo về ăn. **B.** Giới thiệu việc làm.

**C.** Sản xuất hàng hóa. **D.** Phân phối hàng hóa.

**Câu 12:** Đối tượng nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể trung gian?

**A.** Người môi giới việc làm. **B.** Nhà phân phối.

**C.** Người mua hàng. **D.** Đại lý bán lẻ.

**Câu 13:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

**A.** Hộ kinh doanh. **B.** Người kinh doanh.

**C.** Người sản xuất. **D.** Người tiêu dùng.

**Câu 14:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể trung gian khi tham gia vào các quan hệ kinh tế?

**A.** Hộ kinh tế gia đình. **B.** Ngân hàng nhà nước.

**C.** Nhà đầu tư bất động sản. **D.** Trung tâm siêu thị điện máy.

**Câu 15:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

**A.** Kho bạc nhà nước. **B.** Người hoạt động kinh doanh.

**C.** Người tiêu dùng. **D.** Ngân hàng nhà nước.

**Chủ đề 2: Thị trường và cơ chế thị trường**

**BÀI 3:**

**THỊ TRƯỜNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA THỊ TRƯỜNG**

**1. Khái niệm thị trường**

Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

**2. Các loại thị trường**

- Căn cứ theo đối tượng hàng hoá, dịch vụ được trao đổi, mua bán: thị trường hàng hoá (thị trường gạo, thị trường sắt thép,...), thị trường dịch vụ (thị trường chăm sóc sắc đẹp, thị trường chứng khoán,...) gắn với các loại hàng hoá, dịch vụ khác nhau.

- Căn cứ vào vai trò của các yếu tố được trao đồi, mua bán: thị trường tư liệu tiêu dùng; thị trường tư liệu sản xuất.

- Căn cứ vào phạm vi hoạt động: thị trường trong nước và thị trường thế giới.

- Căn cứ vào vào tính chất và cơ chế vận hành: thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo (độc quyền).

**3. Các chức năng cơ bản của thị trường**

*- Chức năng thừa nhận giá trị của hàng hoá:* Thị trường thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá và lao động đã hao phí để sản xuất ra nó, thông qua việc hàng hoá có bán được hay không và bán với giá như thế nào.

*- Chức năng cung cấp thông tin cho các chủ thể kinh tế:* Thị trường cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng thông qua những biến động của nhu cầu xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại, cơ cấu các loại hàng hoá, giá cả, tình hình cung - cầu về các loại hàng hoá,...

*- Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng:* Trên cơ sờ những thông tin thu được từ thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường, nhờ đó sản xuất và tiêu dùng được kích thích hoặc hạn chế.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Thị trường **không** có yếu tố nào dưới đây?

**A.** Nhạc sỹ. **B.** Người mua. **C.** Tiền tệ. **D.** Hàng hóa.

**Câu 2:** Hành vi chủ thể kinh tế nào dưới đây **không** đúng khi tham gia vào thị trường? DT16

**A.** Doanh nghiệp bán lẻ X tăng giá các mặt hàng khi chi phí vận chuyển tăng cao.

**B.** Giá rau ở chợ M tăng đột biến do rau khan hiếm, nhập về ít.

**C.** Công ti H giảm giá mua thanh long do đối tác ngừng hợp đồng thu mua.

**D.** Trạm xăng dầu B đóng cửa không bán vì giá xăng tăng lên vào ngày mai.

**Câu 3:** Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành, thị trường được chia thành:

**A.** Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.

**B.** Thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng.

**C.** Thị trường trong nước, thị trường ngoài nước.

**D.** Thị trường ô tô, thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán,...

**Câu 4:** Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

**A.** làm trung gian trao đổi. **B.** đo lường giá trị hàng hóa.

**C.** thừa nhận giá trị hàng hóa. **D.** biểu hiện bằng giá cả.

**Câu 5:** Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

**A.** Cầu – cạnh tranh. **B.** Cầu – nhà nước **C.** Cầu – sản xuất. **D.** cung – cầu.

**Câu 6:** Sản xuất hàng hóa số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào do nhân tố nào sau đây quyết định?

**A.** Người làm dịch vụ. **B.** Nhà nước.

**C.** Thị trường. **D.** Người sản xuất.

**Câu 7:** Trong nền kinh tế hàng hóa, thị trường **không** có chức năng cơ bản nào sau đây?

**A.** Điều tiết sản xuất. **B.** Cung cấp thông tin.

**C.** Kích thích tiêu dùng. **D.** Phương tiện cất trữ.

**Câu 8:** Căn cứ vào tiêu chí/ đặc điểm nào để phân chia các loại thị trường như thị trường vàng, thị trường bảo hiểm, thị trường bất động sản?

**A.** Phạm vi hoạt động **B.** Đối tượng hàng hoá

**C.** Tính chất và cơ chế vận hành **D.** Vai trò của các đối tượng mua bán

**Câu 9:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là chức năng của thị trường?

**A.** Cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường.

**B.** Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

**C.** Cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng.

**D.** Thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá

**Câu 10:** Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

**A.** biểu hiện giá trị hàng hóa. **B.** làm môi giới trao đổi

**C.** thông tin giá cả hàng hóa. **D.** trao đổi hàng hóa.

**BÀI 4: CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG**

**1. Khái niệm cơ chế thị trường**

Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, cung - cầu, giá cả,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế.

**2. Ưu điểm của cơ chế thị trường**

- Kích thích hoạt động và tạo động lực sáng tạo cho các chủ thể kinh tế;

- Thúc đẩy các doanh nghiệp cải tiến, phát minh và ứng dụng thành tựu của khoa học - còng nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất và quản lí kinh doanh;

- Thực hiện phân phối các nguồn lực kinh tế một cách tối ưu;

- Phát huy tối đa tiềm năng của mọi chủ thể, vùng miền, thúc đẩy liên kết kinh tế trong nước và hội nhập quốc tế.

**3. Nhược điểm của cơ chế thị trường**

- Có thể dẫn tới suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường và các hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh.

- Sự vận động của cơ chế thị trường cũng tiểm ẩn nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn đến lạm phát;

- Sự phân hoá giàu - nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Trong nền kinh tế hàng hóa,nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mặt tích cực của cơ chế thị trường?

**A.** Hạ giá thành sản phẩm. **B.** Sử dụng những thủ đoạn phi pháp.

**C.**  Đổi mới công nghệ sản xuất. **D.** Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 2:** Số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó được gọi là

**A.** giá trị sử dụng **B.** tiêu dùng sản phẩm.

**C.** phân phối sản phẩm. **D.** giá cả hàng hoá.

**Câu 3:** Xét về mặt bản chất của nền kinh tế, việc điều tiết của cơ chế thị trường được ví như

**A.** thượng đế **B.** mệnh lệnh. **C.** ý niệm tuyệt đối. **D.** bàn tay vô hình.

**Câu 4:** Giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định được gọi là

**A.** giá cả cá biệt. **B.** giá cả thị trường. **C.** giá trị thặng dư. **D.** giá trị sử dụng.

**Câu 5:** Số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó được gọi là

**A.** phân phối sản phẩm. **B.** tiêu dùng sản phẩm.

**C.** giá cả hàng hoá. **D.** giá trị sử dụng

**Câu 6:** Hệ thông các quan hệ mang tính điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế được gọi là:

**A.** Thị trường. **B.** Cơ chế thị trường. **C.** Giá cả thị trường. **D.** Kinh tế thị trường.

**Câu 7:** Một trong những tác động tích cực của cơ chế thị trường là

**A.** tăng cường đầu cơ tích trữ. **B.** hủy hoại môi trường sống.

**C.** xuất hiện nhiều hàng giả. **D.** thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 8:** Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa,mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế vì nhằm giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

**A.** đầu tư đổi mới công nghệ. **B.** bán hàng giả gây rối thị trường.

**C.** hủy hoại tài nguyên thiên nhiên. **D.** xả trực tiếp chất thải ra môi trường.

**Câu 9:** Câu tục ngữ "Cá lớn nuốt cá bé" chỉ quy luật kinh tế nào?

**A.** Quỵ luật cạnh tranh **B.** Quỵ luật lưu thông tiền tệ

**C.** Quỵ luật cung - cẩu **D.** Quy luật giá trị

**Câu 10:** Hành vi nào sau đây là biểu hiện của sự cạnh tranh không lành mạnh?

**A.** Đầu cơ tích trữ để nâng giá . **B.** Khuyến mãi giảm giá.

**C.** Hạ giá thành sản phẩm. **D.** Tư vấn công dụng sản phẩm.

**BÀI 5: GIÁ CẢ THỊ**

**VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG**

**1. Giá cả thị trường**

Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hoá, dịch vụ hình thành do các chủ thể kinh tế chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

**2. Chức năng của giá cả thị trường**

- Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hoá trên thị trường hay giá cả hàng hoá được thoả thuận giữa người mua và người bán.

- Chức năng của giá cả thị trường:

+ Cung cấp thông tin: để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuẫt, tăng hay giảm tiêu dùng.

+ Phân bồ nguồn lực: góp phần điều tiết quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu.

+Là công cụ để nhà nước thực hiện quản lí, kích thích, điều tiết nền kinh tế.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa,mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế vì nhằm giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

**A.** khai thác cạn kiệt tài nguyên. **B.** đổi mới quản lý sản xuất.

**C.** kích thích đầu cơ găm hàng. **D.** hủy hoại môi trường.

**Câu 2:** Trong nền kinh tế hàng hóa, khi các quan hệ kinh tế tự điều chỉnh theo yêu của các quy luật kinh tế cơ bản được gọi là

**A.** cơ chế quan liêu**.** **B.** cơ chế phân phối **C.** cơ chế thị trường **D.** cơ chế bao cấp**.**

**Câu 3:** Một trong những cơ chế kinh tế được các quốc gia vận dụng để điều hành nền kinh tế đó là

**A.** cơ chế tự cung tự cấp. **B.** cơ chế kế hoạch hoá tập trung.

**C.** Cơ chế chỉ huy của Chính phủ. **D.** Cơ chế thị trường.

**Câu 4:** Bao gồm hệ thống các quan hệ kinh tế, cùng với đó là cơ chế tự điều chỉnh thông qua các quy luật kinh tế cơ bản là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** cơ chế tự điều tiết. **B.** cơ chế tự cân bằng.

**C.** cơ chế thị trường. **D.** cơ chế rủi ro.

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về cơ chế thị trường?

**A.** Cơ chế thị trường luôn luôn mang tính chất năng động, tích cực trong kinh tế thị trường.

**B.** Cơ chế thị trường kìm hãm doanh nghiệp cải tiến kĩ thuật, hợp lí hoá sản xuất, đổi mới khoa học công nghệ ứng dụng.

**C.** Cơ chế thị trường kích thích mọi doanh nghiệp phải linh hoạt để cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có chất lượng.

**D.** Cơ chế thị trường kích thích tối đa hoạt động của các chủ thể kinh tế hướng đến mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận, tối đa hoá chi phí.

**Câu 6:** Giá cả thị trường chịu **không** chịu tác động của yếu tố nào dưới đây

**A.** Quy luật giá trị. **B.** Niềm tin tôn giáo.

**C.** Quan hệ cung cầu sản phẩm. **D.** Thị hiếu người tiêu dùng.

**Câu 7:** Giá cả thị trường chịu tác động của yếu tố nào dưới đây

**A.** Bộ trưởng thương mại. **B.** Chủ tịch hội đồng quản trị.

**C.** Người mua. **D.** Nhà quản lý tiềm năng.

**Câu 8:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là chức năng của giá cả?

**A.** Cung cấp thông tin để các chủ thể kinh tế điều chỉnh.

**B.** Giá cả điều tiết quỵ mô sản xuất của các doanh nghiệp.

**C.** Giá cả điều tiết hành vi của người tiêu dùng.

**D.** Giá cả thúc đẩy sự bất bình đẳng xã hội.

**Câu 9:** Nhận định nào dưới đây nói về nhược điểm của cơ chế thị trường.

**A.** Thúc đẩy phát triển kinh tế. **B.** Kích thích đổi mới công nghệ.

**C.** Làm cho môi trường bị suy thoái. **D.** Khai thác tối đa mọi nguồn lực.

**Câu 10:** Trong nền kinh tế hàng hóa, giá cả thị trường được hình thành thông qua việc thỏa thuận giữa các chủ thể kinh tế tại

**A.** quốc gia giàu có. **B.** thời điểm cụ thể.

**C.** một cơ quan nhà nước. **D.** một địa điểm giao hàng.

**Câu 11:** Khi các chủ thể kinh tế căn cứ vào các thông tin của giá cả thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp nhằm thu được lợi nhuận về mình là nói về

**A.** khái niệm giá cả thị trường. **B.** quy luật của giá cả thị trường.

**C.** bản chất của giá cả thị trường. **D.** chức năng giá cả thị trường.

**BÀI 6: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ NGÂN SÁCH**

**1. Khái niệm, đặc điểm của ngân sách nhà nước**

***a. Khái niệm ngân sách nhà nước***

- Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khọản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

+ Ngân sách địa phương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chí của cấp địa phương.

+ Ngân sách trung ương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp trung ương hưởng và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp trung ương.

**b. Đặc điểm của ngân sách nhà nước**

- Là một kế hoạch tài chính cần được Quốc hội thông qua trước khi thi hành và giám sát trực tiếp.

- Là kế hoạch tài chính của toàn thể quốc gia, được trao cho Chính phủ tổ chức thực hiện nhưng phải đặt dưới sự giám sát trực tiếp của Quốc hội.

- Ngân sách nhà nước được thiết lập và thực thi hoàn toàn vì mục tiêu mưu cầu lợi ích chung cho toàn thể quốc gia.

- Ngân sách nhà nước luôn phản ánh mối tương quan giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp trong quá trình xây dựng và thực hiện ngân sách.

**2. Vai trò của ngân sách nhà nước**

- Tạo lập nguồn vốn lớn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và huy động nguồn tài chính;

- Là công cụ để Nhà nước thực hiện việc điều tiết các hoạt động kinh tế và xã hội;

- Điều tiết thu nhập dân cư, hạn chế sự bất bình đẳng xã hội.

**3. Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách**

***\* Công dân có quyền:***

- Được sử dụng hàng hoá, dịch vụ công cộng và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.

***\* Công dân có nghĩa vụ:***

- Trường hợp được Nhà nước trợ cấp, hỗ trợ vốn và kinh phí theo dự toán được giao thì phải quản lí, sử dụng các khoản vốn và kinh phí đó đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả và quyết toán với cơ quan tài chính.

- Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và công khai ngân sách.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Theo Luật ngân sách nhà nước, nội dung nào dưới đây **không** đúng về vai trò của ngân sách nhà nước?

**A.** Ngân sách nhà nước là công cụ đề điều tiết thị trường.

**B.** Ngân sách nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của mọi người dân trong xã hội.

**C.** Ngân sách nhà nước duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.

**D.** Ngân sách nhà nước điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.

**Câu 2:** Theo quy định của Luật ngân sách, Ngân sách nhà nước không gồm các khoản thu nào?

**A.** Thu viện trợ. **B.** Thu từ dầu thô.

**C.** Thu từ đầu tư phát triển. **D.** Thu nội địa.

**Câu 3:** Ý kiến nào dưới đây của ông T **không** đúng khi nói về đặc điểm của ngân sách nhà nước?

**A.** Ngân sách nhà nước là các khoản thu chi không được dự toán.

**B.** Ngân sách nhà nước phải do Quốc hội thông qua và quyết định.

**C.** Ngân sách nhà nước do Chính phủ tổ chức thực hiện.

**D.** Ngân sách nhà nước được thiết lập và thực thi vì lợi ích chung.

**Câu 4:** Ngân sách nhà nước là

**A.** bản dự trù thu chi tài chính của Nhà nước trong một khoảng thời gian nhất định

**B.** quỹ tiền tệ tập trung chi cho cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội.

**C.** khoản thu của những quan hệ kinh tế phát sinh trong thị trường kinh tế.

**D.** khoảng dự trù thu chi từ dân và cho dân.

**Câu 5:** Ngân sách nhà nước do cơ quan nào quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước?

**A.** Chính phủ. **B.** Chủ tịch nước.

**C.** cơ quan địa phương. **D.** cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Câu 6:** Theo quy định của Luật ngân sách thì ngân sách địa phương là các khoản thu và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp.

**A.** nhà nước. **B.** địa phương **C.** địa phương **D.** trung ương.

**Câu 7:** Toàn bộ các khọản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước đượ gọi là

**A.** tài chính nhà nước. **B.** kho bạc nhà nước.

**C.** tiền tệ nhà nước. **D.** ngân sách nhà nước.

**Câu 8:** Trường hợp nào dưới đây được gọi là bội chi ngân sách nhà nước?

**A.** Tổng thu nhỏ hơn tổng chi **B.** Tổng thu lớn hơn hoặc bằng tổng chi.

**C.** Tổng thu nhỏ hơn hoặc bằng tổng chi. **D.** Tổng thu lớn hơn tổng chi

**Câu 9:** Theo Luật ngân sách nhà nước, nội dung nào dưới đây phản ánh đúng về ngân sách nhà nước?

**A.** Ngân sách nhà nước là quỹ dự trữ tài chính của một quốc gia

**B.** Ngân sách nhà nước là toàn bộ vốn của người dân trong một quốc gia.

**C.** Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước

**D.** Ngân sách nhà nước là toàn bộ tài sản của các doanh nghiệp

**Câu 10:** Một trong những vai trò của ngân sách nhà nước đó là

**A.** công cụ để Nhà nước điều tiết thị trường.

**B.** tạo lập quỹ phòng chống thiên tai

**C.** tạo lập quỹ dự trữ quốc gia .

**D.** công cụ để đẩy mạnh xuất khẩu.

**BÀI 7: THUẾ VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ**

**1. Thuế và một số loại thuế phổ biến**

**a. Khái niệm về thuế**

Theo khoản 1 Điều 3 Luật Quản lí thuế năm 2019, thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế.

**b. Một số loại thuế cơ bản**

- Thuế trực thu.

- Thuế gián thu.

- Thuế giá trị gia tăng,

- Thuế bảo vệ môi trường,

- Thuế thu nhập cá nhân,…

***- Hệ thống thuế được phân loại như sau:***

+ Thuế trực thu là thuế mà người nộp thuế đồng thời là người chịu thuế (loại thuế này trực tiếp điều tiết vào thu nhập của người nộp thuế).

 Thuế trực thu gồm: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân,...

+ Thuế gián thu là thuế mà người chịu thuế và người nộp thuế không cùng là một (loại thuế này điều tiết gián tiếp vào thu nhập của người tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ thông qua cơ chế giá hàng hoá, dịch vụ).

Thuế gián thu gồm: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu…..

**2. Vai trò của thuế**

- Là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Đây là nguồn thu quan trọng nhất, mang tính chất ổn định, lâu dài cho ngân sách nhà nước.

- Là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô như kiềm chế lạm phát, ổn định giá cả, kích thích đầu tư, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

- Điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng an sinh xã hội.

**3. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về thuế**

*Dựa vào các quy định theo Điều 16, 17 Luật Quản lí thuế 2019 để xác định quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện pháp luật về thuế:*

**- Quyền:**

+ Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế.

+ Được giữ bí mật thông tin, trừ các thông tin không phải cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin công khai về thuế theo quy định của pháp luật.

+ Hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; được biết thời hạn giải quyết hoàn thuế, số tiền thuế không được hoàn và căn cứ pháp lí đối với số tiền thuế không được hoàn.

+ Yêu cầu cơ quan quản lí thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình.

**- Nghĩa vụ:**

+ Thực hiện đăng kí thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật.

+ Nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm.

+ Khai thuế chính xác, trung thực và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.

+ Chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan quản lí thuế, công chức quản lí thuế theo quy định của pháp luật.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất gì?

**A.** Bắt buộc. **B.** Tự nguyện.  **C.** Không bắt buộc. **D.** Cưỡng chế.

**Câu 2:** Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế gì?

**A.** Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế thu nhập cá nhân.

**C.** Thuế tiêu thụ đặc biệt. **D.** Thuế nhập khẩu.

**Câu 3:** Loại thuế nhằm điều tiết việc sản xuất và tiêu dùng xã hội cũng như nhập khẩu hàng hoá được gọi là gì?

**A.** Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế thu nhập cá nhân.

**C.** Thuế nhập khẩu. **D.** Thuế tiêu thụ đặc biệt.

**Câu 4:** Doanh nghiệp sản xuất ô tô A bán xe ô tô, trong quá trình vận hành, tử máy khói bụi từ xe ô tô gây ô nhiễm môi trường, vậy doanh nghiệp A phải đóng loại thuế gì?

**A.** Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế bảo vệ môi trường.

**C.** Thuế nhập khẩu. **D.** Thuế tiêu thụ đặc biệt.

**Câu 5:** Loại thuế nào sau đây không thuộc thuế trực thu?

**A.** Thuế thu nhập doanh nghiệp. **B.** Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

**C.** Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. **D.** Thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

**Câu 6:** Loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế gọi là gì?

**A.** Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế tiêu thụ đặc biệt.

**C.** Thuế gián thu. **D.** Thuế trực thu.

**Câu 7:** Loại thuế được cộng vào giá bán hàng hóa, dịch vụ và do người tiêu dùng trả khi sử dụng sản phẩm đó được gọi là gì?

**A.** Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế thu nhập doanh nghiệp.

**C.** Thuế thu nhập cá nhân. **D.** Thuế bảo vệ môi trường.

**Câu 8:** Hành vi trốn thuế từ 100 triệu đồng trở lên sẽ bị khép vào tội gì?

**A.** hình sự. **B.** dân sự. **C.** hành chính. **D.** kỉ luật.

**Câu 9:** Theo quy định của pháp luật, thuế là khoản thu mang tính

**A.** bắt buộc. **B.** tự nguyện. **C.** thỏa thuận. **D.** điều hòa.

**Câu 10:** Thuế là nguồn thu chính của

**A.** các hộ kinh doanh. **B.** các doanh nghiệp.

**C.** ngân sách gia đình. **D.** ngân sách nhà nước.

**CÂU 11. So sánh điểm giống và khác nhau giữa thuế trực thu và thuế gián thu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Thuế trực thu** | **Thuế gián thu** |
| **Giống nhau** | đều là khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của các tổ chức, cá nhân……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| **Khác nhau** |
| **Khái niệm** | ……………………………………………………………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………………………………………………………………… |
| **Mức độ tác động vào nền kinh tế** | ……………………………………………………………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………………………………………………………………… |
| **Mức độ quản lý** | ……………………………………………………………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………………………………………………………………………… |
| **Ưu điểm** | …………………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………………………… |
| **Khuyết điểm** | ……………………………………………………………………………………………………………………………… | ………………………………………………………………………………………………………………… |
| **Ví dụ** |  |  |

**CHỦ ĐỀ 4: SẢN XUẤT KINH DOANH & CÁC MÔ HÌNH SX KINH DOANH**

**BÀI 8:**

**SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ**

 **CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH**

**1. Vai trò của sản xuất kinh doanh**

- Sản xuất kinh doanh là quá trình sử dụng lao động, đất đai, vốn, nguyên nhiên vật liệu, khoa học kĩ thuật và các nguồn lực khác để tạo ra sản phẩm hàng hoá, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội và thu về lợi nhuận.

*- Vai trò của sản xuất kinh doanh:*

+ Cung cấp các sản phẩm đầu vào cho quá trình sản xuất;

+ Cung cấp các hàng hóa hoặc dịch vụ cho người tiêu dùng;

+ Giải quyết việc làm cho người lao động;

+ Thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

**2. Một số mô hình sản xuất kinh doanh**

**a. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh**

- Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng kí thành viên và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ.

**b. Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

**\* Khái niệm:**

*- Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bình đẳng, dân chủ trong quản lí hợp tác xã.*

*- Liên hiệp Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bình đẳng, dân chủ trong quản lí hợp tác xã.*

**\* Đặc điểm**

- Đặc điểm của mô hình hợp tác xã:

+ Là kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân và chung nhu cầu;

+ Cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bình đẳng, dân chủ trong quản lí hợp tác xã.

- Đặc điểm của mô hình liên hiệp hợp tác xã:

+ Hình thành từ các hợp tác xã để tương trợ lẫn nhau;

+ Hoạt động trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

**\* *Ưu điểm:*** có pháp nhân, hoạt động có tổ chức, có sự tương trợ lẫn nhau, tạo ra sức mạnh tập thể để phát triển nhanh và bền vững hơn.

**c. Mô hình doanh nghiệp**

**\* Khái niệm:**

Là một tổ chức kinh tế do các chủ thể sản xuất kinh doanh thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích chủ yếu là thực hiện các hoạt động kinh doanh và thu về lợi nhuận.

**\* Đặc điểm:**

- Doanh nghiệp hình thành để thực hiện hoạt động kinh doanh;

- Doanh nghiệp có tổ chức, có tên riêng, có tài sản, trụ sở giao dịch được thành lập và đăng kí (về pháp lí)

- Doanh nghiệp đều do một cá nhân, nhiều cá nhân hay một tổ chức đóng góp vốn thành lập (về nguồn vốn)

- Doanh nghiệp có nhiều loại hình khác nhau, công ti trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ti trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, công ti có phần doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước, công ti hợp danh (về loại hình)

- Doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ (về quy mô)

***\* Ưu và nhược điểm:***

- Công ti trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc về một người dễ quản lí, nhưng thường quy mô công ti thường không lớn,

- Công ti trách nhiệm hữu hạn hạn thành viên, có sự tham gia nhiều hơn của các thành viên nhưng chưa tối ưu trong việc huy động vốn,

- Công ti cổ phần: Là mô hình tốt nhất trong huy động vốn, mô hình doanh nghiệp lớn, khó trong vấn đề quản lí.

**3. Lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp**

*Trường hợp 1*.

+ Yếu tố thành công: Nắm bắt được nhu cầu, đầu tư nhà xưởng, tuyển thợ lành nghề, có quy trình sản xuất chặt chẽ, nguyên liệu tốt, sản phẩm đa dạng và phong phú, nhiều hình thức bán hàng, đào tạo nhân lực và ngành nghề được nhân rộng.

+ Bài học: Với mô hình sản xuất lớn thì cơ sở vật chất như xưởng, máy móc phải được đầu tư, quy trình sản xuất chặt chẽ cùng công nhân có tay nghề để tạo ra sản phẩm tốt, tìm hiểu và đáp ứng đúng nhu cầu thị trường và phải luôn làm việc với quyết tâm, nhiệt huyết, tìm tòi học hỏi.

*Trường hợp 2.*

+ Yếu tố thành công: Biết nắm bắt lợi thế cạnh tranh, sản phẩm đa nhiều chương trình đào tạo để phát triển nguồn nhân lực

+ Bài học: Trong mô hình dịch vụ thì yếu tố con người phải luôn được đầu tư đúng mức, bởi khách hàng sẽ trải nghiệm sản phẩm thông qua chính các nhân tố này, cùng với cách tổ chức và sản phẩm tốt sẽ mang lại nhiều thành công.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Nội dung nào đúng về mô hình công ti trách nhiệm hữu hạn từ 2 thành viên trở lên?

**A.** Có từ 2 đến 40 thành viên là tổ chức cá nhân.

**B.** Có từ 2 đến 60 thành viên là tổ chức cá nhân.

**C.** Có từ 2 đến 30 thành viên là tổ chức cá nhân.

**D.** Có từ 2 đến 50 thành viên là tổ chức cá nhân.

**Câu 2:** Nhận định nào sau đây không đúng về mô hình sản xuất kinh doanh hộ gia đình?

**A.** Mô hình sản xuất kinh doanh nhỏ do cá nhân và hộ gia đình thành lập.

**B.** Mô hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn về việc vay vốn.

**C.** Mô hình sản xuất kinh doanh chỉ dành cho lĩnh vực nông nghiệp.

**D.** Mô hình sản xuất kinh doanh sử dụng từ 10 lao động trở lên.

**Câu 3:** Sản xuất kinh doanh **không** có vai trò nào dưới đây

**A.** Thúc đẩy phát triển kinh tế. **B.** Đem lại cuộc sống ấm no

**C.** Phát triển văn hóa, xã hội. **D.** Hủy hoại môi trường.

**Câu 4:** Về mặt pháp lý doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân, chủ doanh nghiệp là

**A.** đại diện theo pháp luật. **B.** tư cách pháp nhân.

**C.** luật sư của công ty **D.** nhân viên công ty.

**Câu 5:** Đối với công ty hợp danh thì thành viên tham gia thành lập phải là

**A.** tổ chức. **B.** pháp nhân.

**C.** đại diện chính quyền. **D.** cá nhân.

**Câu 6:** Một trong những ưu điểm của mô hình sản xuất hộ kinh doanh là

**A.** vốn đầu tư lớn. **B.** có nhiều công ty con.

**C.** huy động nhiều lao động. **D.** quản lý gọn nhẹ.

**Câu 7:** Đối với công ty hợp danh ngoài thành viên hợp danh thì còn có thành viên

**A.** đứng đầu. **B.** độc lập. **C.** góp vốn. **D.** làm thuê.

**Câu 8:** Trong mọi mô hình sản xuất kinh doanh thì yếu tố nào sau đây quyết định sự thành công?

**A.** Con người **B.** Tài chính

**C.** Dây chuyền, công nghệ, máy móc **D.** Bí quyết kinh doanh

**Câu 9:** Doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp là nội dung của khái niệm doanh nghiệp nào dưới đây?

**A.** Doanh nghiệp tư nhân. **B.** Công ty hợp danh.

**C.** Liên minh hợp tác xã. **D.** Công ty cổ phần

**Câu 10:** Một trong những ưu điểm của mô hình sản xuất hộ kinh doanh là

**A.** quy mô nhỏ. **B.** không phải đóng thuế.

**C.** không cần đăng ký. **D.** quy mô lớn.

**CHỦ ĐỀ 5: TÍN DỤNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG**

**BÀI 9: TÍN DỤNG VÀ VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG**

**1. Khái niệm tín dụng**

- Tín dụng là quan hệ cho vay dựa trên cơ sở tin tưởng và tín nhiệm giữa bên cho vay và bên đi vay. Theo đó, bên cho vay chuyển giao một lượng vốn tiền tệ (hoặc tài sản) để bên vay sử dụng có thời hạn. Khi đến hạn, bên vay có nghĩa vụ hoàn trả vốn (hoặc tài sản) ban đầu và lãi suất.

**2. Đặc điểm của tín dụng**

- Tín dụng dựa trên cơ sở lòng tin (tài sản đảm bảo và uy tín cá nhân), có tính hoàn trả cả vốn lẫn lãi và tính thời hạn.

- Khi sử dụng tín dụng phải hoàn trả cả vốn lẫn lãi vì số tiền lãi chính là chi phí phải trả cho việc sử dụng tín dụng.

**3. Vai trò của tín dụng**

- Tín dụng đảm bảo nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng cho các cá nhân trong nền kinh tế;

- Tín dụng thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất;

-Tín dụng là công cụ tài trợ cho các ngành kinh tế kém phát triển và ngành mũi nhọn.

**4. Sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng**

- Sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và tín dụng là tiền lãi phải trả cho khoản mua tín dụng.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Một trong những đặc điểm của tín dụng là

**A.** tính vĩnh viễn. **B.** tính bắt buộc.

**C.** tính phổ biến. **D.** dựa trên sự tin tưởng.

**Câu 2:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là vai trò của tín dụng?

**A.** Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

**B.** Hạn chế bớt tiêu dùng

**C.** Tăng vòng quay của vốn, tiết kiệm tiền mặt trong lưu thông.

**D.** Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của Nhà nước.

**Câu 3:** Trong quá trình cho vay có sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và chi phí sử dụng dịch vụ tín dụng được gọi là gì ?

**A.** Tiền dịch vụ. **B.** Tiền lãi. **C.** Tiền gốc. **D.** Tiền phát sinh.

**Câu 4:** Tín dụng **không** có vai trò nào dưới đây?

**A.** Tín dụng là công cụ thúc đẩy sự lưu thông của hàng hoá và tiền tệ.

**B.** Tín dụng là công cụ giúp thúc đẩy kinh doanh, đầu tư sinh lời.

**C.** Tín dụng làm gia tăng mối quan hệ chủ nợ - con nợ trong xã hội.

**D.** Tín dụng thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất.

**Câu 5:** Theo quy định của pháp luât những tổ chức nào sau đây được phép cấp tín dụng?

**A.** Kho bạc **B.** Chi cục thuế

**C.** Các ngân hàng thương mại **D.** Tiệm cầm đổ

**Câu 6:** Một trong những vai trò của tín dụng là huy động nguồn vốn nhàn dỗi vào

**A.** cá độ bóng đá. **B.** lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

**C.** sản xuất kinh doanh. **D.** các dịch vụ đỏ đen.

**Câu 7:** Nội dung nào dưới đây phản ánh tính tạm thời của việc sử dụng dịch vụ tín dụng?

**A.** Nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong thời gian vô hạn.

**B.** Nhượng quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong thời gian nhất định.

**C.** Tặng một lượng vốn cá nhân cho người khác.

**D.** Chuyển giao hoàn toàn quyền sử dụng một lượng vốn.

**Câu 8:** Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi (người vay), theo nguyên tắc hoàn trả có kỳ hạn

**A.** nguyên phần gốc ban đầu. **B.** nguyên phần lãi phải trả.

**C.** đủ số vốn ban đầu. **D.** cả vốn gốc và lãi.

**Câu 9:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của tín dụng ?

**A.** Là công cụ điều tiết kinh tế xã hội . **B.** Hạn chế bớt tiêu dùng.

**C.** Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. **D.** Thúc đẩy sản xuất, lưu thông.

**Câu 10:** Một trong những đặc điểm của tín dụng là có tính

**A.** một phía. **B.** tạm thời. **C.** cưỡng chế. **D.** bắt buộc.

**BÀI 10: CÁCH SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG**

**1. Một số dịch vụ tín dụng**

**a. Tín dụng thương mại**

- Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, doanh nhân cấp cho nhau, không có sự tham gia của hệ thống ngân hàng.

- Tín dụng thương mại làm giảm sự lệ thuộc về vốn vào Nhà nước và các ngân hàng, tạo khả năng mở rộng các quan hệ hợp tác kinh doanh lâu bền.

- Các hình thức tín dụng thương mại: mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá.

**b. Tín dụng nhà nước**

- Tín dụng nhà nước: là quan hệ vay mượn giữa Nhà nước với xã hội đề phục vụ cho việc thực thi các chức năng quản lí kinh tế, xã hội của mình.

- Tín dụng nhà nước có tính cưỡng chế, tính chính trị và tính xã hội. Nhà nước cung cấp dịch vụ tín dụng bằng cách: cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và bảo lãnh tín dụng.

**c. Tín dụng ngân hàng**

- Tín dụng ngân hàng: là quan hệ tín dụng giữa một bên là các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và một bên là các chủ thể kinh tế – tài chính của toàn xã hội.

- Tín dụng ngân hàng có các đặc điểm:

+ Hoạt động trong phạm vi rộng;

+ Mang tính linh hoạt;

 + Tạo điều kiện duy trì phát triển các loại hình tín dụng khác bằng sự tham gia rộng rãi thông qua các nghiệp vụ chiết khấu, cầm cố, tái chiết khấu, tái cầm cố các giấy tờ có giá.

- Ngân hàng cung cấp dịch vụ tín dụng này bằng cách cho vay hoặc bảo lãnh ngân hàng.

**d. Tín dụng tiêu dùng**

- Tín dụng tiêu dùng: Quan hệ tín dụng phục vụ cho việc tiêu dùng của dân cư với người tiêu dùng là người đi vay và doanh nghiệp, cá nhân là người cho vay. Bên cho vay có thể là các ngân hàng, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, hoặc các công ti tài chính....

- Các hình thức của tín dụng tiêu dùng: bán chịu trả góp và thẻ tín dụng. Tín dụng tiêu dùng luôn kết hợp với việc trả ngay một phần theo hợp đồng hay một giao kéo bán chịu trả góp giữa bên cho vay và người đi vay.

**2. Sử dụng dịch vụ tín dụng có trách nhiệm**

Để sử dụng tín dụng có trách nhiệm, cần:

- Thực hiện đúng cam kết về khoản vay, thời hạn thanh toán và lãi suất với bên cho vay tín dụng.

- Cân nhắc nhu cầu sử dụng tiền vay tín dụng phù hợp với năng lực tài chính cá nhân.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Một trong những căn cứ quan trọng để thực hiện hình thức tín dụng cho vay thế chấp được thực hiện là người vay phải có

**A.** đầy đủ quan hệ nhân thân. **B.** tài sản đảm bảo.

**C.** địa vị chính trị. **D.** tư cách pháp nhân.

**Câu 2:** Chủ thể cho vay của tín dụng nhà nước đó là

**A.** người nước ngoài. **B.** doanh nghiệp. **C.** người dân. **D.** nhà nước.

**Câu 3:** Hình thức tín dụng nào Nhà nước là chủ thể vay tiền và có nghĩa vụ trả nợ?

**A.** Tín dụng nhà nước. **B.** Tín dụng ngân hàng.

**C.** Tín dụng thương mại. **D.** Tín dụng tiêu dùng.

**Câu 4:** Một trong những ưu điểm khi thực hiện hình thức tín dụng cho vay thế chấp là

**A.** không cần hồ sơ thủ tục. **B.** số tiền được vay thường lớn.

**C.** thủ tục đơn giản. **D.** dựa vào sở thích của người vay.

**Câu 5:** Cho vay tín chấp dựa vào đặc điểm nào của người vay?

**A.** Uy tín của người vay và có tài sản đảm bảo.

**B.** Uy tín của người vay và không cần tài sản đảm bảo.

**C.** Có tài sản đảm bảo.

**D.** Là công chức, viên chức nhà nước.

**Câu 6:** Hình thức tín dụng nào trong đó người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu về mua sắm hàng hóa

**A.** tư nhân. **B.** thương mại. **C.** nhà nước. **D.** tiêu dùng.

**Câu 7:** Quan hệ tín dụng bằng tiền giữa một bên là ngân hàng với một bên là các chủ thể kinh tế dựa trên nguyên tắc thỏa thuận và có hoàn trả được gọi là dịch vụ tín dụng

**A.** tiêu dùng. **B.** doanh nghiệp. **C.** ngân hàng. **D.** cá nhân.

**Câu 8:** Hình thức tín dụng trong đó người cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm là hình thức tín dụng nào dưới đây?

**A.** Tín dụng đen. **B.** Cho vay trả góp.

**C.** Cho vay tín chấp. **D.** Cho vay thế chấp.

**Câu 9:** Người mua tham gia mua trái phiếu chính phủ để được hưởng lãi suất vay thuộc dịch vụ tín dụng nào?

**A.** Tín dụng ngân hàng. **B.** Tín dụng tiêu dùng.

**C.** Tín dụng thương mại. **D.** Tín dụng nhà nước.

**Câu 10:** Quan hệ tín dụng giữa nhà nước với các nước khác trên thế giới gọi là hình thức tín dụng

**A.** tiêu dùng. **B.** cá nhân. **C.** doanh nghiệp. **D.** nhà nước.

**Chủ đề 6: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN**

**BÀI 11: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN**

**1. Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân**

- Kế hoạch tài chính cá nhân là tập hợp các hoạt động thu – chi tiền bạc, tiết kiệm, đầu tư, dự phòng và nợ được sắp xếp theo trình tự để đạt được mục tiêu tài chính cá nhân cho từng giai đoạn thời gian.

**2. Các loại kế hoạch tài chính cá nhân**

*Có 3 loại kế hoạch tài chính cá nhân phù hợp lứa tuổi học sinh:*

- Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn (dưới 1 tháng).

- Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn (từ 1 đến dưới 6 tháng).

- Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn (trên 6 tháng).

**3. Tầm quan trọng việc lập kế hoạch tài chính cá nhân**

- Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân giúp chúng ta quản lí hiệu quả nguồn tài chính của mình, đồng thời thể hiện sự chủ động và cần thận trong từng hoạt động chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư, dự phòng và vay nợ.

**4. Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân**

– Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân:

+ Bước 1: Đánh giá tình hình tài chính cá nhân.

+ Bước 2: Đặt mục tiêu tài chính cá nhân.

+ Bước 3: Phân chia dòng tiền cho các quỹ: tiêu dùng, tiết kiệm, đầu tư, trả nợ và dự phòng cho trường hợp khẩn cấp,...

+ Bước 4: Lập kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng quỹ và xác định thời hạn hoàn thành mục tiêu. chiêu, trời cánh ta choạch tài chính để tạo

+ Bước 5: Thực hiện đúng theo kế hoạch tài chính đã lập.

- Để lập được kế hoạch tài chính cá nhân, cần lựa chọn loại kế hoạch phù hợp với mục tiêu tài chính đặt ra và đảm bảo các bước nêu trên.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Việc không xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính sẽ khiến mỗi người

**A.** được người khác tôn trọng. **B.** duy trì tài chính lành mạnh.

**C.** chi tiêu hoang phí và không kiểm soát **D.** chủ động tính toán chi tiêu

**Câu 2:** Toàn bộ những vấn đề liên quan đến thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư…của mỗi người được gọi là

**A.** tài chính doanh nghiệp. **B.** tài chính gia đình.

**C.** tài chính thương mại. **D.** tài chính cá nhân.

**Câu 3:** Bản kế hoạch thu chi giúp quản lí tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư,... để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân được gọi là

**A.** Kế hoạch tài chính gia đình. **B.** Kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

**C.** Kế hoạch tài chính cá nhân **D.** Kế hoạch phân bổ ngân sách.

**Câu 4:** Nội dung nào sau đây không phải đặc điểm của kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn?

**A.** Thực hiện mục tiêu ngắn hạn và trung hạn.

**B.** Mục tiêu thường là khoản tiền lớn.

**C.** Thời gian thực hiện dưới 6 tháng.

**D.** Thời gian thực hiện trên 6 tháng.

**Câu 5:** Lập kế hoạch tài chính để xây dựng nguồn tiền tiết kiệm không bao gồm khoản thu nào sau đây?

**A.** Tiền lương. **B.** Tiền làm thêm.

**C.** Tiền được chu cấp. **D.** Tiền mượn nợ.

**Câu 6:** Mục tiêu kế hoạch tài chính ngắn hạn giải quyết lượng tiền tiết kiệm thường là:

**A.** một khoản tiền lớn. **B.** một khoản tiền nhỏ.

**C.** nhiều khoản tiền lớn. **D.** một khoản tiền rất lớn.

**Câu 7:** Bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 đến 6 tháng được gọi là

**A.** Kế hoạch tài chính cá nhân vô thời hạn. **B.** Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn.

**C.** Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn. **D.** Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn.

**Câu 8:** Khi thực hiện theo dõi và kiểm soát thu chi, cá nhân cần phải:

**A.** Chỉ xác định khoản tiết kiệm.

**B.** Tách khoản chi thiết yếu và không thiết yếu.

**C.** Chỉ xác định khoản chi không thiết yếu.

**D.** Chỉ xác định khoản chi thiết yếu.

**Câu 9:** Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn thường gắn với khoảng thời gian là

**A.** dưới 12 tháng. **B.** dưới 3 tháng. **C.** dưới 10 tháng. **D.** dưới 26 tháng.

**Câu 10:** Cá nhân muốn tiết kiệm một khoản tiền trong vòng 2 tháng nên lựa chọn loại kế hoạch tài chính nào sau đây?

**A.** Kế hoạch dài hạn. **B.** Kế hoạch trung hạn.

**C.** Kế hoạch vô thời hạn. **D.** Kế hoạch ngắn hạn.

**PHẦN HAI: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

**CHỦ ĐỀ 7: HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**BÀI 12:**

**ĐẶC ĐIỂM, CẤU TRÚC VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG**

**CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**1. Cấu trúc hệ thống chính trị Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

- Hệ thống chính trị là một chỉnh thể thống nhất trong đó bao gồm các tổ chức, các thiết chế hợp pháp có quan hệ về mục đích và chức năng thực hiện hoặc tham gia thực hiện quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước.

- Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên

**2. Đặc điểm hệ thống chính trị nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

- Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, đóng thời là tổ chức giữ vai trò lãnh đạo của cả hệ thống chính trị Việt Nam;

- Thống nhất về tổ chức lãnh đạo, mục tiêu chính trị, nguyên tắc tổ chức và hoạt động…..

- Hệ thống chính trị tại Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ lợi ích của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

**3. Nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị**

*Hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam dựa trên các nguyên tắc:*

- Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân;

- Nguyên tắc uỷ quyền có điều kiện và có thời hạn;

- Nguyên tác pháp quyền;

- Nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách;

- Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

**4. Trách nhiệm của công nhân trong việc xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị**

- Xây dựng ý thức tự giác tích cực thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng đặc điểm của hệ thống chính trị ở Việt Nam ?

**A.** Do một đảng duy nhất lãnh đạo là Đảng Cộng sản Việt Nam.

**B.** Thực hiện đa nguyên chính trị và đa đảng lãnh đạo.

**C.** Hoạt động theo cơ chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

**D.** Đảm bảo quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân lao động.

**Câu 2:** Trong hệ thống chính trị Việt Nam, mối quan hệ giữa các thành tố cấu thành được xác lập theo cơ chế nào dưới đây?

**A.** Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lí, nhân dân làm chủ.

**B.** Đảng tổ chức, Nhà nước thực hiện, nhân dân giám sát.

**C.** Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

**D.** Dân biết, dân hỏi, dân làm, dân kiểm tra.

**Câu 3:** Trong hệ thống chính trị Việt Nam, tổ chức nào dưới đây thực hiện chức năng quản lý mọi hoạt động của đời sống xã hội?

**A.** Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**B.** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**C.** Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

**D.** Công đoàn Việt Nam.

**Câu 4:** Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời là tổ chức giữ vai trò

**A.** lãnh đạo của cả hệ thống chính trị. **B.** quản lý nhà nước và xã hội.

**C.** thực hiện chức năng tư pháp. **D.** thực hiện chức năng hành pháp.

**Câu 5:** Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một thể thống nhất không bao gồm tổ chức nào dưới đây?

**A.** Đảng Cộng sản Việt Nam.

**B.** Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**C.** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.

**D.** Tổ chức hữu nghị quốc tế và đại sứ quán các nước.

**Câu 6: Một trong những đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam đó là**

**A. Nhà nước lãnh đạo.** **B. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.**

**C. Mặt trận tổ quốc lãnh đạo.** **D. các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo**

**Câu 7:** Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân để

**A.** quản lí toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội.

**B.** lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị - xã hội.

**C.** tập hợp khối đoàn kết toàn dân tộc.

**D.** chăm lo lợi ích của các tầng lớp xã hội.

**Câu 8:** Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là các cơ quan, tồ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích chính đáng của các đoàn viên, hội viên nhằm thực hiện mục tiêu

**A.** lãnh đạo nhà nước. **B.** lãnh đạo Đảng Cộng sản.

**C.** đoàn kết toàn dân. **D.** đoàn kết quốc tế.

**Câu 9:** Một trong những đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tất cả các cơ quan, tổ chức có mối quan hệ thống nhất về tổ chức lãnh đạo, mục tiêu chính trị, nguyên tắc tổ chức , do

**A.** Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

**B.** Đảng cộng sản Việt Nam cấp kinh phí.

**C.** Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam lãnh đạo.

**D.** Các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo.

**Câu 10: Nội dung nào dưới đây không phản ánh đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?**

**A. Do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.**

**B. Tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ.**

**C. Mang bản chất của giai cấp công nhân.**

**D. Mang bản chất tư bản chủ nghĩa.**

**BÀI 13:**

**ĐẶC ĐIỂM, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**1. Đặc điểm của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

- **Tính thống nhất:**

Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện tính thống nhất trong tổ chức và hoạt động. Hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước được sắp xếp, tổ chức thống nhất từ trung ương xuống địa phương và đều chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước hoạt động vì lợi ích của nhân dân và lợi ích của dân tộc.

**- Tính nhân dân:**

Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân thành lập nên, được nhân dân ủy quyền để thực hiện việc quản lí Nhà nước và xã hội. Mọi hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước đều nhằm mục đích phục vụ cho lợi ích của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

- **Tính quyền lực:**

Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang tính quyền lực. Điều đó được thể hiện ở việc phân chia quyền lực nhà nước cho các cơ quan nhà nước để thực hiện những chức năng, nhiệm vụ riêng biệt. Đồng thời, thể hiện qua việc các cơ quan, cá nhân ở cấp dưới bắt buộc phải phục tùng, phải thực hiện các nhiệm vụ, quyết định của cấp trên.

- **Tính pháp chế xã hội chủ nghĩa:**

Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay mang tính pháp chế xã hội chủ nghĩa. Thực hiện quản lí mọi mặt của đời sống xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

- **Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam:** Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng là một nguyên tắc hiến định trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được thể hiện qua các phương diện như: Đảng đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng cho Nhà nước; Đảng chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát hoạt động của Nhà nước; Đảng đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, giới thiệu nhân sự vào các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước,...

- **Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất** nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát; Tính thống nhất của quyền lực Nhà nước Việt Nam được xác định bởi chính chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực là Nhân dân. Quyền lực nhà nước được phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và được giao cho các cơ quan tương ứng thực hiện một cách độc lập nhưng có sự phối hợp, kiểm soát, giám sát lẫn nhau để thực hiện quyền lực nhà nước, đảm bảo mục tiêu chung phục vụ nhân dân và phục vụ dân tộc.

- **Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân**: Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân là nguyên tắc quan trọng nhất trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nguyên tắc này thiết lập nền tảng để hình thành toàn bộ bộ máy nhà nước. Nội dung nguyên tắc này khẳng định nhân dân Việt Nam là người thành lập ra Nhà nước, trao quyền cho Nhà nước và kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước.

- **Nguyên tắc tập trung dân chủ:** Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức, hoạt động trong sự phối hợp giữa các yếu tố dân chủ và tập trung với hàng loạt các hình thức và chế độ như: bầu cử, bổ nhiệm kết hợp với phê chuẩn một số chức danh trong bộ máy; mô hình tổ chức hội đồng, ủy ban kết hợp chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; thiểu số phục tùng đa số; cấp dưới phục tùng cấp trên; thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số,...

- **Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa:** Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật. Pháp luật quy định rõ ràng, cụ thể, minh bạch toàn bộ việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, hình thức hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước và việc tổ chức bộ máy nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước và việc tổ chức bộ máy nhà nước phải tuân theo các quy định đó. Cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật, mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lí.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **không** bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây ?

**A.** Quốc hội. **B.** Chủ tịch nước.

**C.** Chính phủ. **D.** Bí thư đoàn thanh niên.

**Câu 2:** Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **không** bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây ?

**A.** Quốc hội. **B.** Chủ tịch nước.

**C.** Tòa án nhân dân. **D.** Hội thẩm nhân dân.

**Câu 3:** Xét về mặt cơ cấu tổ chức, Quốc hội là một trong những cơ quan trong

**A.** Bộ máy nhà nước. **B.** Đảng Cộng sản Việt Nam.

**C.** Tổ chức chính trị - xã hội. **D.** Tổ chức xã hội – nghề nghiệp.

**Câu 4:** Xét về mặt cơ cấu tổ chức, Chủ tịch nước là một trong những cơ quan thuộc

**A.** chính phủ. **B.** bộ máy nhà nước.

**C.** Mặt trận tổ quốc. **D.** tổ chức xã hội – nghề nghiệp.

**Câu 5:** Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **không** bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây ?

**A.** Kiểm toán nhà nước. **B.** Hội đồng bầu cử quốc gia.

**C.** Chính quyền địa phương. **D.** Hội nông dân Việt Nam.

**Câu 6:** Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **không** bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây ?

**A.** Tòa án nhân dân. **B.** Viện kiểm sát nhân dân.

**C.** Hội thẩm nhân dân. **D.** Hội đồng bầu cử quốc gia

**Câu 7:** Một trong những nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

**A.** đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng. **B.** đảm bảo sự lãnh đạo của nhà nước.

**C.** Đoàn thanh niên lãnh đạo xã hội. **D.** Mặt trận lãnh đạo toàn thể xã hội.

**Câu 8:** Một trong những nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nguyên tắc

**A.** tập trung dân chủ. **B.** tập trung quan liêu.

**C.** dân chủ và tự do. **D.** dân chủ và thói quen.

**Câu 9:** Một trong những nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nguyên tắc

**A.** quyền lực thuộc về đám đông. **B.** quyền lực thuộc về nhân dân.

**C.** quyền lực thuộc về công nhân. **D.** quyền lực thuộc về nông dân.

**Câu 10:** Một trong những nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nguyên tắc

**A.** pháp chế xã hội chủ nghĩa. **B.** dân chủ tư sản.

**C.** pháp chế tư sản. **D.** dân chủ và quan liêu.

**Câu 11:** Đâu **không** phải là nguyên tắc chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

**A.** Tập trung dân chủ. **B.** Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

**C.** Đảng lãnh đạo nhà nước. **D.** Đảng quản lý toàn xã hội.

**BÀI 14:**

**QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC, CHÍNH PHỦ**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**1. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**- Chức năng của Quốc hội**

+ Chức năng lập hiến, lập pháp: Quốc hội là cơ quan có quyền thông qua sửa đổi, bổ sung Hiến pháp; thông qua, sửa đổi, bổ sung các luật.

+ Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước: Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước, xây dựng, củng cố và phát triển bộ máy nhà nước và các vấn đề quan trọng khác.

+ Chức năng giám sát tối cao: Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội. Quốc hội giám sát tối cao hoạt động của Chủ tịch nước, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng Bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.

**- Cơ cấu tổ chức của Quốc hội gồm**: Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội.

- **Quốc hội làm việc** theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Tại kì họp, Quốc hội thảo luận và quyết định theo đa số các vấn đề thuộc chức năng của Quốc hội.

**2. Chủ tịch nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

- Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

- Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

+ Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh;

+ Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ;

+ Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

+ Quyết định đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá;

+ Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước;

+ Quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam;

+ Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh;

+ Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh;

+ Căn cứ vào nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Uỷ ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;

+ Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; căn cứ vào nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;

+ Quyết định đàm phán, kí điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế; quyết định phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế khác nhân danh Nhà nước.

**\* Phó chủ tịch nước:**

- Giúp Chủ tịch nước thực hiện nhiệm vụ và có thể được chủ tịch Chủ tịch nước ủy nhiệm thay Chủ tịch nước thực hiện một số nhiệm vụ là Phó Chủ tịch nước.

**3. Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:**

- Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

- Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chức năng hành pháp thông qua:

+ Đề xuất, xây dựng chính sách vĩ mô, đề xuất định hướng phát triển kinh tế - xã hội trình Quốc hội, trình dự thảo luật trước Quốc hội.

+ Ban hành chính sách, kế hoạch cụ thể theo thẩm quyền của Chính phủ; ban hành các văn bản dưới luật để thực thi các chủ trương, chính sách, văn hóa do Quốc hội ban hành;

+ Tổ chức thực hiện pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện kế hoạch, chính sách bởi các cơ quan hành chính nhà nước nhằm thống nhất quản lí các lĩnh vực của đời sống xã hội;

+ Thiết lập trật tự hành chính, thống nhất quản lí nền hành chính quốc gia trên cơ sở các quy định của pháp luật.

- Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ, các phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thứ trưởng cơ quan ngang Bộ. Cơ cấu, số lượng thành viên Chính phủ do Quốc hội quyết định.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Cơ quan nào thực hiện quyền lập hiến và quyền lập pháp

**A.** Quốc Hội. **B.** Chủ tịch nước. **C.** Chính phủ. **D.** Chủ tịch nước.

**Câu 2: Cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của Nhà nước Việt Nam là**

**A.** Đảng Cộng sản. **B.** Quốc hội.

**C.** Chính phủ. **D.** Mặt trận tổ quốc Việt Nam

**Câu 3:** Cơ quan có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước là

**A.** Quốc hội. **B.** Ủy ban nhân dân. **C.** Đoàn Thanh niên. **D.** Mặt trận tổ quốc.

**Câu 4:** Quyền làm Hiến pháp bao gồm có sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hoặc làm Hiến pháp mới là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

**A.** Lập hiến. **B.** Lập pháp. **C.** Giám sát. **D.** Dung hòa

**Câu 5:** Theo quy định của pháp luật, việc Quốc hội tiến hành làm luật, xây dựng luật và ban hành những văn bản áp dụng pháp luật là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

**A.** Lập hiến. **B.** Lập pháp. **C.** Giám sát. **D.** Dung hòa

**Câu 6:** Quốc hội là cơ quan có quyền thông qua sửa đổi bổ sung Hiến Pháp, thông qua, sửa đổi, bổ sung các luật là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

**A.** Lập hiến, lập pháp. **B.** Giám sát tối cao.

**C.** Quyết định vấn đề quan trọng. **D.** Quản lý mọi mặt đời sống.

**Câu 7:** Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

**A.** Giám sát tối cao. **B.** Ban hành và sửa đổi luật.

**C.** Quyết định các vấn đề quan trọng. **D.** Quản lý nhà nước và xã hội.

**Câu 8:** Theo quy định của pháp luật, Quốc hội quyết định nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước; xây dựng, cùng cố và phát triển bộ máy nhà nước là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

**A.** Giám sát tối cao. **B.** Ban hành và sửa đổi luật.

**C.** Quyết định các vấn đề quan trọng. **D.** Quản lý nhà nước và xã hội.

**Câu 9:** Theo quy định của pháp luật, Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội đối với chủ thể nào dưới đây?

**A.** Bí thư Đoàn Thanh Niên. **B.** Tổng bí thư.

**C.** Chủ tịch Đảng. **D.** Chủ tịch Nước

**Câu 10:** Theo quy định của pháp luật, Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội đối với chủ thể nào dưới đây?

**A.** Ban chấp hành Đoàn. **B.** Ủy ban thường vụ quốc hội.

**C.** Ủy ban chứng khoán nhà nước. **D.** Ban tổ chức Trung ương.

**Câu 11:** Theo quy định của pháp luật, Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội đối với chủ thể nào dưới đây?

**A.** Chính phủ. **B.** Tổng bí thư. **C.** Chủ tịch Đảng. **D.** Chủ tịch tỉnh.

**BÀI 15:**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**

**1. Các khái niệm**

- **Tòa án nhân dân** là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

- **Viện kiểm sát nhân dân** là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Tòa án bao gồm Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự; Viện kiểm sát bao gồm Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự.

- Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân chia làm bốn cấp: Tối cao, Cấp cao, Tỉnh (tương đương), Huyện (tương đương).

**2. Chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**a. Cơ cấu tổ chức:**

**- Cơ cấu tổ chức tòa án nhân dân**:

+ Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tối cao gồm: Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Bộ máy giúp việc; Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

+ Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân cấp cao gồm: Uỷ ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa hành chính, Tòa kinh tế, Tòa lao động, Tòa gia đình và người chưa thành niên, các Tòa chuyên trách khác theo quy định pháp luật, bộ máy giúp việc.

+ Cơ quan tổ chức của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm: Uỷ ban Thẩm phán; Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa hành chính, Tòa kinh tế, Tòa lao động, Tòa gia đình và người chưa thành niên, Tòa xử lí hành chính, các tòa chuyên trách theo quy định pháp luật, bộ máy làm việc.

**- Cơ cấu tổ chức Viện kiểm sát nhân dân:**

+ Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân tối cao gồm có: Uỷ ban kiểm sát; Văn phòng; Cơ quan điều tra; các cục, vụ, viện và tương đương; các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; các cơ quan báo chí và các đơn vị sự nghiệp công lập khác; Viện kiểm sát quân sự trung ương;...Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Viện trưởng; các Phó Viện trưởng; Kiểm sát viên; Kiểm tra viên; Thủ tướng, các Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra; Điều tra viên; công chức khác, viên chức và người lao động khác.

+ Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gồm có: Uỷ ban Kiểm sát; Văn phòng, Các phòng và tương đương.

+ Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện gồm có: văn phòng và các phòng hoặc các bộ phận công tác và bộ máy giúp việc.

**b. Chức năng của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân**

- Chức năng của Tòa án nhân dân là xét xử và thực hành quyền tư pháp.

- Chức năng của Viện kiểm sát nhân dân là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

**c. Nguyên tắc hoạt động của Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân ở Việt Nam:**

Tập trung thống nhất có sự phân công, phân cấp quản lí. Hoạt động của cơ quan tư pháp nhằm đảm bảo khách quan, công bằng, công lí.

**3. Trách nhiệm công dân đối với việc xây dựng, bảo vệ Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân**

 Công dân cần có thái độ phê phán, đấu tranh với những hành vi chống trả Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Cơ quan nào ở nước ta thực hiện quyền tư pháp?

**A.** Quốc Hội **B.** Toà án nhân dân

**C.** Uỷ ban nhân dân **D.** Thủ tướng chính phủ

**Câu 2:** Toà án nhân dân là cơ quan xét xử của nước ta và thực hiện quyền

**A.** Tư pháp **B.** Lập pháp

**C.** Hành pháp **D.** Chỉ để xử lý dân sự

**Câu 3:** Cơ quan có thẩm quyền xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

**A.** Tòa án nhân dân. **B.** Viện kiểm sát nhân dân.

**C.** Hội dồng nhân dân. **D.** Ủy ban nhân dân.

**Câu 4:** Đây là cơ quan tiến hành xét xử các vụ án các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính đề bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, là thẩm quyền của cơ quan nào dưới đây?

**A.** Tòa án nhân dân. **B.** Viện kiểm sát nhân dân.

**C.** Hội dồng nhân dân. **D.** Ủy ban nhân dân.

**Câu 5:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện đặc điểm hoạt động của TAND?

**A.** TAND xét xử công khai **B.** TAND xét xử tập thể

**C.** TAND có thể xét xử kín. **D.** TAND xét xử theo ý kiến nhân dân.

**Câu 6:** Xét về mặt tổ chức, tòa án nhân dân không có cơ quan nào dưới đây?

**A.** Tòa án nhân dân tối cao. **B.** Tòa án nhân dân cấp cao.

**C.** Tòa án quân sự trung ương. **D.** Tòa án nhân dân cấp xã, phường

**Câu 7:** Xét về mặt tổ chức, tòa án nhân dân không có cơ quan nào dưới đây?

**A.** Tòa án quân sự cấp quân khu. **B.** Tòa án quân sự khu vực.

**C.** Tòa án quân sự trung ương. **D.** Tòa án quân sự cấp huyện.

**Câu 8:** Chánh án tòa án nhân dân tối cao do cơ quan nào bầu hoặc phê chuẩn?

**A.** Quốc hội. **B.** Chính phủ. **C.** Tòa án. **D.** Viện kiểm sát

**Câu 9:** Theo quy định của pháp luật, chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chánh án tòa án nhân dân tối cao?

**A.** Thủ tướng chính phủ. **B.** Chủ tịch nước.

**C.** Tổng bí thư. **D.** Chủ tịch Quốc hội.

**Câu 10:** Trong quá trình xét xử các vụ án, tòa án nhân dân làm việc độc lập và chỉ

**A.** tuân theo pháp luật. **B.** tuân theo chánh án chỉ đạo.

**C.** tuân theo Chủ tịch nước. **D.** Tuân theo Quốc hội.

**Câu 11:** Theo quy định của pháp luật, về mặt tổ chức Tòa án nhân dân được chia thành 4 cấp gồm

**A.** Tối cao, cấp cao, cấp tỉnh, huyện. **B.** Tối cao, cấp tỉnh, huyện, cấp xã

**C.** Cấp cao, cấp tỉnh, huyện, cấp xã **D.** Tối cao, cấp cao, trung ương, cấp tỉnh.

**Câu 12:** Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao là cơ quan thường trực của cơ quan nào dưới đây?

**A.** Tòa án nhân dân tối cao. **B.** Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

**C.** Tòa án nhân dân cấp huyện. **D.** Tòa án quân sự khu vực.

**Câu 13:** Việc các cơ quan tư pháp thay mặt nhà nước tiến hành việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội là thực hiện chức năng nào dưới đây?

**A.** Thực hành quyền công tố. **B.** Thực hành quyền công khai.

**C.** Thực hành ý chí người đứng đầu. **D.** Kiểm sát hoạt động tư pháp.

**BÀI 16: CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Hội đồng nhân dân**

**- Chức năng:** Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

- **Cơ cấu tổ chức:** Hội đồng nhân dân ở địa phương gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân.

- **Hoạt động của Hội đồng nhân dân:** Hội đồng nhân dân làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Hội đồng nhân dân họp thường lệ mỗi năm ít nhất 2 kì và họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết.

**2. Uỷ ban nhân dân**

- **Chức năng:** Uỷ ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

- **Cơ cấu tổ chức:** Uỷ ban nhân dân gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Uỷ viên và cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân tổ chức ở cấp tỉnh, cấp huyện.

- **Hoạt động của uỷ ban nhân dân:** Uỷ ban nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể, kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân. Uỷ ban nhân dân họp thường kì mỗi tháng 1 lần và họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất. Uỷ ban nhân dân quyết định các vấn đề bằng hình thức biểu quyết.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Hội đồng nhân dân là

**A.** cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. **B.** cơ quan lãnh đạo ở địa phương.

**C.** cơ quan hành chính ở địa phương. **D.** cơ quan giám sát ở địa phương.

**Câu 2:** Hội đồng nhân dân được thành lập thông qua

**A.** bầu cử, ứng cử. **B.** mệnh lệnh cấp trên.

**C.** phân bổ quyền lực. **D.** đặc trưng vùng miền.

**Câu 3:** Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và

**A.** lãnh đạo địa phương. **B.** cơ quan cấp trên.

**C.** người đứng đầu địa phương. **D.** đoàn thể ở địa phương

**Câu 4:** Hội đồng nhân dân địa phương **không** quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

**A.** Phát triển kinh tế - xã hội. **B.** Đảm bảo an ninh – trật tự.

**C.** Chia tách địa giới hành chính. **D.** Công tác an sinh xã hội.

**Câu 5:** Hội đồng nhân dân địa phương **không** quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

**A.** Giải quyết ô nhiễm môi trường. **B.** Biện pháp bảo vệ môi trường.

**C.** Thay đổi thuế bảo vệ môi trường. **D.** Thu phí bảo vệ môi trường.

**Câu 6:** Hội đồng nhân dân địa phương **không** có thẩm quyền quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

**A.** Quản lý địa giới hành chính. **B.** Hướng dẫn thủ tục hành chính.

**C.** Điều chỉnh địa giới hành chính. **D.** Giám sát xử phạt hành chính.

**Câu 7:** HĐND gồm các đại biểu HĐND do ai bầu ra?

**A.** Cử tri ở địa phương bầu ra. **B.** Quốc hội bầu ra.

**C.** Chính phủ bầu ra. **D.** Viện kiểm sát bầu ra.

**Câu 8:** Hội đồng nhân dân địa phương **không** có thẩm quyền quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

**A.** Giám sát tối cao hoạt động của Quốc hội.

**B.** Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân.

**C.** Giám sát hoạt động của cơ quan hành chính.

**D.** Giám sát vấn về an sinh xã hội tại địa bàn.

**Câu 9:** Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân là

**A.** Hội đồng nhân dân. **B.** Ủy ban nhân dân.

**C.** Hội nông dân. **D.** Mặt trận tổ quốc.

**Câu 10:** Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan

**A.** công tác nhà nước ở địa phương. **B.** quyền lực nhà nước ở địa phương

**C.** điều hành sản xuất ở địa phương. **D.** quản lí nhà nước ở địa phương.

**Câu 11:** Cơ quan nào sau đây do nhân dân địa phương trực tiếp bầu ra?

**A.** Ủy ban nhân dân **B.** Viện kiểm sát nhân dân

**C.** Hội đồng nhân dân **D.** Toà án nhân dân

**CHỦ ĐỀ 8: PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**BÀI 17: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG**

**1. Khái niệm pháp luật**

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

**2. Đặc điểm của pháp luật**

Pháp luật có đặc điểm sau:

- **Tính quy phạm phổ biến**: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự, là khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi; được áp dụng nhiều lần, trong phạm vi hiệu lực mà nó tác động đến, với nhiều đối tượng.

- **Tính bắt buộc chung**: Nhà nước ban hành pháp luật và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước. Mọi tổ chức, cá nhân đều phải thực hiện pháp luật. Mọi tổ chức, cá nhân đều phải thực hiện pháp luật. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lí nghiêm minh.

- **Tính xác định chặt chẽ về hình thức**: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự đó được chứ đựng trong những văn bản pháp luật. Hình thức pháp lí của các văn bản pháp luật do luật định.

**3. Vai trò của pháp luật trong đời sống:**

Vai trò của pháp luật đối với đời sống:

- *Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lí xã hội*: Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội theo ý chí của Nhà nước nhằm ổn định trật tự, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội; đồng thời là cơ sở pháp lí cho hoạt động của Nhà nước.

- *Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình*; Pháp luật xác lập, ghi nhận các quyền của công dân trong các lĩnh vực đời sống xã hội; tạo cơ sở pháp lí để thực hiện quyền và yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

* **LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Bất kì ai trong điều kiện hoàn cảnh nhất định cũng phải xử xự theo khuôn mẫu được pháp luật quy định phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

**A.** Tính cưỡng chế. **B.** Tính quyền lực bắt buộc chung.

**C.** Tính xác định chặt chẽ về hình thức. **D.** Tính quy phạm phổ biến.

**Câu 2:** Luật hôn nhân gia đình quy định điều kiện kết hôn giữa nam và nữ áp dụng cho tất cả mọi người, không có ngoại lệ phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

**A.** Tính xác định chặt chẽ về nội dung. **B.** Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

**C.** Tính quyền lực, bắt buộc chung . **D.** Tính quy phạm phổ biến.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây **là sai** khi nói về vai trò quản lý xã hội của pháp luật?

**A.** Vì pháp luật đảm bảo tính công bằng dân chủ.

**B.** Vì pháp luật có tính phổ biến bắt buộc chung.

**C.** Vì pháp luật bảo đảm phù hợp với lợi ích chung.

**D.** Vì pháp luật không bao giờ thay đổi.

**Câu 4:** Những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi đối với tất cả mọi người là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính chặt chẽ về hình thức. **B.** Tính kỉ luật nghiêm minh.

**C.** Tính quy phạm phổ biến. **D.** Tính quyền lực, bắt buộc chung.

**Câu 5:** Những người có hành vi không đúng quy định của pháp luật sẽ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để buộc họ phải tuân theo. Điều này thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính quy phạm phổ biến. **B.** Tính quyền lực, bắt buộc chung.

**C.** Hiệu lực tuyệt đối. **D.** Khả năng đảm bảo thi hành cao.

**Câu 6:** Tất cả mọi cá nhân, tổ chức ai cũng phải xử sự theo pháp luật. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính công khai. **B.** Tính dân chủ.

**C.** Tính quyền lực, bắt buộc chung. **D.** Tính quy phạm phổ biến.

**Câu 7:** Luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất là gì?

**A.** Nghị định. **B.** Chỉ thị. **C.** Hiến pháp. **D.** Thông tư.

**Câu 8:** Tất cả mọi cá nhân, tổ chức nếu vi phạm pháp pháp luật đều phải bị xử lý như nhau. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính quyền lực bắt buộc chung. **B.** Tính công khai.

**C.** Tính dân chủ. **D.** Tính qui phạm phổ biến.

**Câu 9:** Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

**A.** Cưỡng chế mọi nghĩa vụ của công dân.

**B.** Bảo vệ mọi nhu cầu, lợi ích của công dân.

**C.** Bảo vệ quyền, lợi ích tuyệt đối của công dân.

**D.** Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

**Câu 10:** Tính quy phạm phổ biến của pháp luật là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội cho nên nó gắn liền với các

**A.** quy tắc bắt buộc chung. **B.** quy tắc xử sự chung.

**C.** quy tắc bắt buộc riêng. **D.** quy tắc xử sự riêng.

**BÀI 18:**

**HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ**

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**1. Hệ thống pháp luật**

Hệ thống pháp luật là hình thức cấu trúc bên trong của pháp luật, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau; được phân định thành các chế định pháp luật và các ngành luật; được quy định bởi tính chất, cơ cấu các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh. Các bộ phận cấu trúc bên trong hệ thống pháp luật gồm: quy phạm pháp luật, chế định pháp luật và ngành luật.

**2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm**:

Văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật;

- Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản chứa đựng các quy tắc xử sự cá biệt, mang tính quyền lực, nhà nước do cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức xã hội được nhà nước trao quyền ban hành theo trình tự, thủ tục luật định trên cơ sở áp dụng các quy phạm pháp luật, đối với những quan hệ cụ thể, cá biệt nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức nhất định hoặc xác định trách nhiệm pháp lí đối với chủ thể vi phạm pháp luật.

**3. Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.**

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Tổng thể các quy phạm pháp luật có mỗi liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau được sắp xếp thành các ngành luật, chế định pháp luật được gọi là

**A.** hệ thống pháp luật. **B.** hệ thống tư pháp.

**C.** quy phạm pháp luật. **D.** văn bản dưới luật.

**Câu 2:** Nội dung nào dưới đây là một trong những yếu tố cấu thành cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

**A.** Ngành luật. **B.** Pháp lệnh. **C.** Nghị định. **D.** Quyết định.

**Câu 3:** Nội dung nào dưới đây là một trong những yếu tố cấu thành cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

**A.** Nghị quyết. **B.** Chế định luật. **C.** Thông tư. **D.** Hướng dẫn.

**Câu 4:** Nội dung nào dưới đây là một trong những yếu tố cấu thành cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam?

**A.** Nghị quyết liên tịch. **B.** Quy phạm pháp luật.

**C.** Thông tư liên tịch. **D.** Điều lệ Đoàn thanh niên.

**Câu 5:** Cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật Việt Nam **không** gồm nội dung nào sau đây?

**A.** Nghị định **B.** Ngành luật

**C.** Chế định luật **D.** Quy phạm pháp luật

**Câu 6:** Những quy tắc xử sự chung do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện đề điều chỉnh quan hệ xã hội theo định hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định được gọi là

**A.** quy phạm pháp luật. **B.** chế định pháp luật.

**C.** ngành luật. **D.** Nghị định.

**Câu 7:** Tập hợp các quy phạm pháp luật có cùng tính chất điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội tương ứng trong một hoặc nhiều ngành luật được gọi là

**A.** chế định pháp luật. **B.** thông tư liên tịch.

**C.** nghị quyết liên tịch. **D.** quy phạm pháp luật.

**Câu 8:** Tập hợp các quy phạm pháp luật có đặc tính chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội được gọi là

**A.** Ngành luật. **B.** chế định pháp luật.

**C.** quy phạm pháp luật. **D.** cấu trúc pháp luật

**Câu 9:** Về cấu trúc hệ thống pháp luật bao gồm các ngành luật, các chế định pháp luật và các

**A.** quy phạm pháp luật. **B.** quyết định xử phạt.

**C.** thông tư liên tịch. **D.** nghị quyết liên tịch.

**Câu 10:** Nội dung nào sau đây thuộc cấu trúc hệ thống pháp luật?

**A.** chế định pháp luật **B.** quy tắc xử sự chung

**C.** quy định chung ở nhiều nơi **D.** áp dụng với tất cả các đối tượng

**BÀI 19: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**

**1. Khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật.**

**a. Khái niệm:**

Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

**b. Các hình thức thực hiện pháp luật.**

 - **Tuân theo pháp luật (tuân thủ pháp luật)** là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không thực hiện những điều mà pháp luật cấm.

- **Thi hành pháp luật (chấp hành pháp luật)** là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật tiến hành các hoạt động mà pháp luật buộc phải làm.

- **Sử dụng pháp luật (vận dụng pháp luật)** là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật tiến hành các hoạt động mà pháp luật cho phép.

- **Áp dụng pháp luật** là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các cơ quan nhà nước, nhà chức trách có thẩm quyền hoặc tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền căn cứ vào quy định của pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức.

**2. Công dân và việc thực hiện pháp luật**

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Là người kinh doanh, ông A luôn áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Vậy, ông A đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

**A.** Thi hành pháp luật. **B.** Áp dụng pháp luật.

**C.** Sử dụng pháp luật. **D.** Tôn trọng pháp luật.

**Câu 2:** Phát hiện một cơ sở kinh doanh cung cấp thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh, T đã báo với cơ quan chức năng để kiểm tra và kịp thời ngăn chặn. T đã thực hiện hình thức

**A.** thi hành pháp luật **B.** tuân thủ pháp luật. **C.** áp dụng pháp luật. **D.** sử dụng pháp luật.

**Câu 3:** Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

**A.** Từ chối kê khai thông tin dịch tễ. **B.** Ủy quyền nghĩa vụ bầu cử.

**C.** Hỗ trợ việc cấp đổi căn cước. **D.** Hỗ trợ người nhập cảnh trái phép.

**Câu 4:** Công dân thi hành pháp luật khi

**A.** ủy quyền nghĩa vụ bầu cử. **B.** hoàn thiện hồ sơ đăng kiểm.

**C.** tìm hiểu thông tin nhân sự. **D.** sàng lọc giới tính thai nhi.

**Câu 5:** Hành vi nào dưới đây thể hiện công dân sử dụng pháp luật?

**A.** Người kinh doanh trốn thuế phải nộp phạt.

**B.** Công ty X thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định pháp luật.

**C.** Các bên tranh chấp phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình .

**D.** Anh A và chị B đến tòa án để li hôn.

**Câu 6:** Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có sự tham gia của cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền?

**A.** Sử dụng pháp luật. **B.** Tuân thủ pháp luật.

**C.** Áp dụng pháp luật. **D.** Thi hành pháp luật.

**Câu 7:** Công dân tuân thủ pháp luật khi từ chối

**A.** sử dụng vũ khí trái phép. **B.** nộp thuế đầy đủ theo quy định.

**C.** bảo vệ an ninh quốc gia. **D.** thực hiện nghĩa vụ bầu cử.

**Câu 8:** Công dân thi hành pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

**A.** Thay đổi quyền nhân thân. **B.** Bảo vệ Tổ quốc.

**C.** Bảo trợ người khuyết tật. **D.** Hiến máu nhân đạo.

**Câu 9:** Người kinh doanh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế là hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

**A.** Tuân thủ pháp luật. **B.** Áp dụng pháp luật.

**C.** Sử dụng pháp luật. **D.** Thi hành pháp luật.

**Câu 10:** Khi tham gia vào các quan hệ xã hội, công dân đều xử sự phù hợp với quy định của pháp luật là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** Ban hành pháp luật. **B.** Giáo dục pháp luật.

**C.** Phổ biến pháp luật. **D.** Thực hiện Pháp luật.

**CHỦ ĐỀ 9: HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**BÀI 20:**

**KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VỊ TRÍ CỦA HIẾN PHÁP**

 **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**1. Khái niệm của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là luật cơ bản của nước ta, có hiệu lực pháp lí cao nhất, quy định những vấn đề cơ bản và quan trọng như chế độ chính trị, quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân; các chính sách kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ;

**2. Đặc điểm cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

- Hiến pháp là luật cơ bản của quốc gia

- Hiến pháp là công cụ bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;

- Hiến pháp quy định các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước;

- Hiến pháp là luật có hiệu lực pháp cao nhất.

**3. Vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có vị trí là luật cơ bản, là cơ sở để xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

- Là công cụ bảo đảm quyền công dân, quyền con người ở nước ta;

- Là luật quy định các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước;

- Là luật có hiệu lực pháp lí tối cao, buộc tất cả các văn bản  quy phạm pháp luật khác phải tuân theo Hiến pháp.

**3. Trách nhiệm của công dân**

Công dân cần thực hiện nghĩa vụ trong bảo vệ, xây dựng Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Hệ thống các quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lí cao nhất quy định những vấn đề cơ bản nhất về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hoá, xã hội, tồ chức quyền lực nhà nước, địa vị pháp lí của con người và công dân là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** Hiến pháp. **B.** Luật hành chính. **C.** Luật lao động. **D.** Luật hình sự.

**Câu 2:** Văn bản pháp luật nào được coi là Luật cơ bản của nhà nước

**A.** Hiến pháp. **B.** Luật nhà nước.

**C.** Luật tổ chức Quốc hội. **D.** Luật tổ chức Hội đồng nhân dân.

**Câu 3:** Trong hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, văn bản pháp luật nào có giá trị pháp lý cao nhất?

**A.** Hiến pháp. **B.** Luật nhà nước.

**C.** Luật tổ chức Quốc hội. **D.** Luật tổ chức Hội đồng nhân dân.

**Câu 4:** Trong hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp là văn bản pháp luật có giá trị pháp lý

**A.** cao nhất. **B.** thấp nhất. **C.** vĩnh cửu. **D.** vĩnh viễn

**Câu 5:** Hiến pháp đầu tiên của nước ta được ban hành vào năm nào?

**A.** 1946. **B.** 1945. **C.** 1947. **D.** 1950.

**Câu 6:** Bản Hiến pháp hiện hành của nước ta là năm nào?

**A.** 2013. **B.** 1980. **C.** 1992. **D.** 2001.

**Câu 7:** Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là văn bản quy phạm pháp luật do

**A**. Chủ tịch nước ban hành **B**. Quốc hội ban hành.

**C**. Thủ tướng chính phủ giới thiệu. **D**. Mặt trận tổ quốc ban hành

**Câu 8:** Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định những vấn đề

**A.** cơ bản và quan trọng nhất. **B.** cơ bản và cụ thể hóa mọi vấn đề.

**C.** quan trọng nhất đối với ngân sách. **D.** quan trọng nhất đối với Đảng.

**Câu 9:** Trong hệ thống các văn bản pháp luật Việt Nam, Hiến pháp được coi là

**A.** đạo luật cơ bản nhất. **B.** luật cụ thể nhất.

**C.** luật dễ thay đổi nhất. **D.** luật thiếu tính ổn định.

**Câu 9:** Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính

A. tuyên ngôn. B. bất biến. C. kinh tế. D. kinh doanh.

**Câu 10:** Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, các quy định trong Hiến pháp mang tính

**A.** cương lĩnh. **B.** cương quyết. **C.** thương mại. **D.** vĩnh cửu.

**BÀI 21:**

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **NĂM 2013 VỀ CHÍNH TRỊ**

**1. Quy định của Hiến pháp năm 2013 về bản chất nhà nước và tổ chức quyền lực chính trị Việt Nam**:

Nhà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

**2. Quy định của Hiến pháp năm 2013 về hình thức chính thể và chủ quyền lãnh thổ; về tên nước, quốc kì, quốc huy, quốc ca, quốc khánh, thủ đô và đường lối đối ngoại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam** :

 - Là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.

- Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển;

- Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi;

- Tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

- Là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

- *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định*cụ thể về vấn đề quan trọng khác của nước Việt Nam như quốc kì, quốc ca, quốc huy, quốc khánh và thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**4. Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chế độ chính trị:**

**-** Tuân theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chế độ chính trị là nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam. Nghĩa vụ này được thể hiện bằng các hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

- Công dân phải ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành và bảo vệ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chế độ chính trị.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Hiến pháp 2013 khẳng định chính thể Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

**A.** Cộng hòa xã hội chủ nghĩa. **B.** Dân chủ cộng hòa.

**C.** Cộng hòa và phong kiến. **D.** Dân chủ và tập trung.

**Câu 2:** Về chế độ chính trị, Hiến pháp 2013 đã khẳng định quyền lực tối cao của nhà nước là thuộc về

**A.** Quốc hội. **B.** Chủ tịch nước. **C.** Chính phủ. **D.** Đảng Cộng sản.

**Câu 3:** Hình thức chính thể của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là gì?

**A.** Cộng hoà nghị viện nhân dân. **B.** Cộng hoà hỗn hợp.

**C.** Cộng hoà dân chủ nhân dân. **D.** Cộng hoà xã hội chủ nghĩa.

**Câu 4:** Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

**A.** một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

**B.** một nước độc lập, tự do, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

**C.** một nước xã hội chủ nghĩa, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

**D.** một nước độc lập xã hội chủ nghĩa, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

**Câu 5:** Điều 1, Hiến pháp 2013 khẳng định, Nhà nước Việt Nam là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa, nội dung này đã Hiến định vấn đề nào dưới đây về mặt chế độ chính trị?

**A.** Chính thể. **B.** Chủ quyền. **C.** Lãnh thổ. **D.** Đảng chính trị.

**Câu 6:** Hiến pháp 2013 khẳng định nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước

**A.** độc lập. **B.** trung lập. **C.** phụ thuộc. **D.** liên kết.

**Câu 7:** Chủ thể nào dưới đây bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân?

**A.** Nhà nước. **B.** Chính phủ.

**C.** Quốc hội. **D.** Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 8:** Khi đề cập đến lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp 2013 **không** quy định nội dung nào dưới đây?

**A.** Đất liền. **B.** Hải đảo. **C.** Vùng trời. **D.** Vùng núi.

**Câu 9:** Lãnh thổ của Việt Nam được quy định như thế nào trong Hiến pháp?

**A.** Thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ bao gồm vùng đất, vùng trời và vùng biển.

**B.** Thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển, vùng trời.

**C.** Độc lập và thống nhất lãnh thổ bao gồm vùng đất, vùng trời và vùng biển.

**D.** Độc lập và thống nhất lãnh thổ bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển, vùng trời.

**Câu 10:** Hiến pháp năm 2013 quy định lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm

**A.** Đất liền, vùng biển và vùng trời.

**B.** Đất liền, vùng đất và vùng trời.

**C.** Đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.

**D.** Đất liền, vùng đất, vùng biển và vùng trời.

**BÀI 22:**

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **NĂM 2013 VỀ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN**

**1. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013:**

- Quyền con người là những quyền tự nhiên vốn có của con người và không thể bị tước bỏ bởi bất cứ cá nhân, tổ chức nào.

- Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, được tôn trọng, được bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân như sau: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội (Điều 16); Quyền sống (Điều 19); Quyền có nơi ở hợp pháp,...; nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc (Điều 44); Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; thực hiện nghĩa vụ quân sự (Điều 45),...

2. **Cần có thái độ phê phán những hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân**.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Theo quy định của Hiến pháp 2013, mọi công dân đều

**A.** bình đẳng trước pháp luật. **B.** cấp vốn kinh doanh.

**C.** được nhận vào làm việc. **D.** miễn trừ trách nhiệm pháp lý.

**Câu 2:** Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa xã hội là nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 về

**A.** quyền con người. **B.** nghĩa vụ công dân.

**C.** trách nhiệm pháp lý. **D.** chế độ chính trị.

**Câu 3:** Mọi người đều có quyền sống là nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 về

**A.** quyền con người. **B.** nghĩa vụ công dân.

**C.** trách nhiệm pháp lý. **D.** chế độ chính trị.

**Câu 4:** Công dân được tham gia bầu cử và ứng cử vào Quốc hội là thực hiện tốt quyền con người trên lĩnh vực nào dưới đây?

**A.** Chính trị. **B.** Kinh tế. **C.** Văn hóa. **D.** Xã hội.

**Câu 5:** Theo quy định của pháp luật, mọi công dân nếu đủ điều kiện đều được tham gia ứng cử vào Hội đồng nhân dân các cấp là góp phần thực hiện tốt quyền con người trên lĩnh vực

**A.** Chính trị. **B.** Dân sự **C.** Đối ngoại. **D.** Xã hội.

**Câu 6:** Theo quy định của pháp luật, mọi công dân nếu đủ điều kiện đều được tham quản lý nhà nước và xã hội là góp phần thực hiện tốt quyền con người trên lĩnh vực

**A.** Chính trị. **B.** Dân sự **C.** Đối ngoại. **D.** Xã hội.

**Câu 7:** Theo quy định của pháp luật, mọi công dân nếu đủ điều kiện đều được tham quản lý nhà nước và xã hội là góp phần thực hiện tốt quyền con người trên lĩnh vực

**A.** Chính trị. **B.** Dân sự **C.** Đối ngoại. **D.** Xã hội.

**Câu 8:** Theo nội dung của Hiến pháp 2013, quyền nào dưới đây phản ánh quyền của công dân trên lĩnh vực chính trị?

**A.** Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

**B.** Quyền tự do đi lại, tự do lập hội.

**C.** Quyền từ chối thừa kế.

**D.** Quyền cư trú hợp pháp.

**Câu 9:** Theo nội dung của Hiến pháp 2013, quyền nào dưới đây phản ánh quyền của công dân trên lĩnh vực chính trị?

**A.** Quyền bầu cử, ứng cử. **B.** Quyền tự do kết hôn.

**C.** Quyền tự do li hôn. **D.** Quyền cư trú hợp pháp.

**Câu 10:** Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, trên lĩnh vực chính trị, mọi công dân đều có quyền được

**A.** tham gia quản lý nhà nước và xã hội. **B.** cấp vốn để sản xuất kinh doanh.

**C.** chia đều cổ tức cổ phần. **D.** tự do đi lại bất cứ đâu.

**BÀI 23:**

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ**

 **XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM NĂM 2013 VỀ KINH TẾ, VĂN HÓA, GIÁO DỤC, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

**1. Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013:**

**- Về kinh tế:**

+ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

**- Về văn hóa:**

+ Hiến pháp đã hiến định mục tiêu phát triển bền vững, trong đó thể hiện rõ quan điểm; phát triển kinh tế gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Như vậy, văn hóa trở thành một thành tố hữu cơ, bảo đảm cho sự phát triển toàn diện, bền vữa của kinh tế.

+ Mục đích của chính sách văn hóa là chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phát triển văn học , nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân; phát triển các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng  con ngườI Việt Nam có sức khỏe, văn hóa, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân.

**- Về khoa học công nghệ và môi trường:**

+ Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ. Như vậy, vai trò, trách nhiệm của Nhà nước được thể hiện qua việc:

+ Ưu tiên, đầu tư, khuyến khích, tạo điều kiện cho phát triển khoa học và công nghệ;

+ Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường nhằm quản lí, sử dụng có hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; xử lí nghiêm những tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường. Theo đó, Nhà nước và toàn xã hội có trách nhiệm bảo vệ môi trường để bảo đảm quyền của mọi người được thực hiện.

**- Về giáo dục:**

+ Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Nhà nước phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam.

+ Nhà nước quan tâm tới phát triển giáo dục và đào tạo, một mặt khẳng định bản chất và trách nhiệm của Nhà nước. Mặt khác, hiến định chủ trương xã hội hóa giáo dục, nhằm huy động các nguồn lực khác trong xã hội để đầu tư cho giáo dục và đào tạo, từ đó tạo điều kiện cho những thay đổi mang tính đột phá trong lĩnh vực này.

**2. Trách nhiệm của công dân:**

- Công dân phải ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành và bảo vệ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường bằng các hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định, Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế

**A.** phụ thuộc vào thế giới. **B.** độc lập, tự chủ.

**C.** tách biệt với thế giới. **D.** có tính lệ thuộc cao.

**Câu 2:** Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định một trong những nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế nước ta là

**A.** dựa vào viện trợ của nước ngoài. **B.** phát huy nội lực trong nước.

**C.** chủ yếu đi vay nợ nước ngoài. **D.** khai thác cạn kiệt tài nguyên.

**Câu 3:** Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định mô hình kinh tế của nước ta hiện nay là mô hình

**A.** kinh tế thị trường. **B.** kinh tế tự cung tự cấp.

**C.** kinh tế lệ thuộc. **D.** kinh tế tự nhiên.

**Câu 4:** Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định mô hình kinh tế của nước ta hiện nay là mô hình kinh tế thị trường định hướng

**A.** tư bản chủ nghĩa. **B.** xã hội chủ nghĩa.

**C.** chuyên chế tư bản. **D.** cộng sản chủ nghĩa.

**Câu 5:** Hiến pháp 2013 khẳng định, về mặt kinh tế, nước ta thực hiện nền kinh tế thị trường đinh hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thức thức

**A.** sở hữu. **B.** bóc lột. **C.** áp bức. **D.** chiếm đoạt.

**Câu 6:** Hiến pháp 2013 khẳng định, về mặt kinh tế, hiện nay nước ta thực hiện nhất quán nền kinh tế thị trường với sự tồn tại của nhiều

**A.** thành phần kinh tế. **B.** hình thức áp bức bóc lột.

**C.** quan hệ xã hội phức tạp. **D.** hình thức viện trợ.

**Câu 7:** Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định thành phần kinh tế nào giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần?

**A.** Kinh tế tập thể. **B.** Kinh tế nhà nước.

**C.** Kinh tế tư nhân. **D.** Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 8:** Hiến pháp 2013 khẳng định, trong nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay, các thành phần kinh tế đều

**A.** bình đẳng trước pháp luật. **B.** bị hạn chế phát triển.

**C.** không có vai trò quan trọng. **D.** không còn động lực phát triển.

**Câu 9:** Về mặt kinh tế, các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay có mối quan hệ như thế nào?

**A.** Hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. **B.** Hợp tác và tiêu diệt lẫn nhau.

**C.** Độc lập không liên hệ với nhau. **D.** Cạnh tranh với nhau quyết liệt.

**Câu 10:** Về mặt kinh tế, Hiến pháp 2013 khẳng định đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản là tài sản thuộc sở hữu

**A.** tư nhân. **B.** toàn dân. **C.** tập thể. **D.** công cộng.

**BÀI 24:**

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ**

 **XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM NĂM 2013**

**VỀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC**

**1. Cơ quan quyền lực nhà nước**

- Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

- Hội đồng nhân dân các cấp: Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

**2. Cơ quan hành chính nhà nước:**

- Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

- Uỷ ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

**3. Cơ quan tư pháp:**

- Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

- Viện kiểm sát nhân dân thực hiện quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

**4. Chủ tịch nước:**

Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

**5. Hội đồng Bầu cử Quốc gia**:

 Là cơ quan do Quốc hội thành lập, có nhiệm vụ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

**6. Kiểm toán nhà nước**:

 Là cơ quan do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, thực hiện kiểm toán việc quản lí, sử dụng tài chính, tài sản công.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Cơ quan nào thực hiện quyền lập hiến và quyền lập pháp

**A.** Quốc Hội. **B.** Chủ tịch nước. **C.** Chính phủ. **D.** Chủ tịch nước.

**Câu 2: Cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của Nhà nước Việt Nam là**

**A.** Đảng Cộng sản. **B.** Quốc hội.

**C.** Chính phủ. **D.** Mặt trận tổ quốc Việt Nam

**Câu 3:** Cơ quan có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước là

**A.** Quốc hội. **B.** Ủy ban nhân dân. **C.** Đoàn Thanh niên. **D.** Mặt trận tổ quốc.

**Câu 4:** Quyền làm Hiến pháp bao gồm có sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hoặc làm Hiến pháp mới là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

**A.** Lập hiến. **B.** Lập pháp. **C.** Giám sát. **D.** Dung hòa

**Câu 5:** Theo quy định của pháp luật, việc Quốc hội tiến hành làm luật, xây dựng luật và ban hành những văn bản áp dụng pháp luật là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

**A.** Lập hiến. **B.** Lập pháp. **C.** Giám sát. **D.** Dung hòa

**Câu 6:** Quốc hội là cơ quan có quyền thông qua sửa đổi bổ sung Hiến Pháp, thông qua, sửa đổi, bổ sung các luật là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

**A.** Lập hiến, lập pháp. **B.** Giám sát tối cao.

**C.** Quyết định vấn đề quan trọng. **D.** Quản lý mọi mặt đời sống.

**Câu 7:** Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

**A.** Giám sát tối cao. **B.** Ban hành và sửa đổi luật.

**C.** Quyết định các vấn đề quan trọng. **D.** Quản lý nhà nước và xã hội.

**Câu 8:** Theo quy định của pháp luật, Quốc hội quyết định nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước; xây dựng, cùng cố và phát triển bộ máy nhà nước là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

**A.** Giám sát tối cao. **B.** Ban hành và sửa đổi luật.

**C.** Quyết định các vấn đề quan trọng. **D.** Quản lý nhà nước và xã hội.

**Câu 9:** Theo quy định của pháp luật, Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội đối với chủ thể nào dưới đây?

**A.** Bí thư Đoàn Thanh Niên. **B.** Tổng bí thư.

**C.** Chủ tịch Đảng. **D.** Chủ tịch Nước

**Câu 10:** Theo quy định của pháp luật, Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội đối với chủ thể nào dưới đây?

**A.** Ban chấp hành Đoàn. **B.** Ủy ban thường vụ quốc hội.

**C.** Ủy ban chứng khoán nhà nước. **D.** Ban tổ chức Trung ương.